

Số: /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá thi hành Luật Trồng trọt số 31/2018/QH15 và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Văn bản số 2902/BNN-TTTV ngày 27/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tổng kết, đánh giá thi hành Luật Trồng trọt số 31/2018/QH15 và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT TRỒNG TRỌT VÀ LUẬT BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thi hành pháp, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật (Phụ lục 1 kèm theo)

Ngay sau khi Quốc hội ban hành Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, các luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo các cơ quan liên quan như Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học Công nghệ, Công thương, Công an tỉnh, Báo và phát thanh truyền hình tỉnh... tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến các cấp, các ngành, địa phương, tổ chức và người dân trên địa bàn. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được triển khai thường xuyên với nội dung và hình thức phù hợp thực tế như: hội nghị, tập huấn, sinh hoạt cơ quan, họp thôn, hệ thống truyền thanh cơ sở, báo chí, truyền hình,... Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân và người dân; tăng cường trách nhiệm trong sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và bảo vệ môi trường.

Đối với Luật Trồng trọt số 31/2018/QH15: Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nhằm quán triệt và thống nhất nhận thức trong toàn thể đội ngũ cán bộ, người lao động và Nhân dân về các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn có liên quan như¹: Nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật đều được gắn với phổ biến các quy định mới về xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quản lý giống cây trồng, phân bón; Các quy định về canh tác, đất sản xuất, các chính sách nhằm nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm.

¹ Luật số 146/2025/QH15, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019, Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06/01/2023, Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016, Nghị định 84/2019/NĐ-CP, Nghị định 9/2025/NĐ-CP, Nghị định 112/2024/NĐ-CP, Nghị định 31/2023/NĐ-CP, Nghị định 14/2026/NĐ-CP, Nghị định 33/2026/NĐ-CP, Thông tư 13/2026/TT-BNNPTNT...

Đối với Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nhằm quán triệt và thống nhất nhận thức trong toàn thể đội ngũ cán bộ, người lao động và Nhân dân về các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn có liên quan như ²: Nội dung tuyên truyền phổ biến pháp luật gắn với góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và giúp các tổ chức, cá nhân, người dân vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, thực hiện việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

Kết quả: Hàng năm thực hiện khoảng 20 tin, bài, phóng sự lồng ghép trong chương trình thời sự và các chuyên mục phát trên 02 làn sóng phát thanh và truyền hình toàn tỉnh; Báo Lào Cai, các báo đóng trên địa bàn đã thực hiện được khoảng 35 tin, bài, clip trên các ấn phẩm của Báo; in ấn, cấp phát 250.905 tờ rơi tuyên truyền về Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, các văn bản thi hành Luật, quy trình phòng chống dịch hại cây trồng, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả, cấp phát cho các tổ chức, cá nhân và người dân trong tỉnh. Đồng thời, các đơn vị chuyên môn liên quan của các địa phương trong tỉnh tổ chức 119 cuộc hội thảo, 9.181 lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, các văn bản thi hành Luật cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia sản xuất trồng trọt và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật.

2. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

Công tác chỉ đạo triển khai thi hành pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc, bám sát các quy định của Luật Trồng trọt 2018 và Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật 2013, cùng các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Ngay sau khi các văn bản pháp luật có hiệu lực, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai, trong đó tập trung cụ thể hóa các nội dung trọng tâm theo quy định tại Nghị định 94/2019/NĐ-CP về quản lý giống cây trồng; Nghị định 84/2019/NĐ-CP về phân bón; Nghị định 116/2020/NĐ-CP về quản lý thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật; Nghị định 31/2023/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt... Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo ban hành nhiều văn bản hướng dẫn chuyên môn, kế hoạch sản xuất theo mùa vụ, kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kế hoạch kiểm tra vật tư nông nghiệp hàng năm; đồng thời hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định về: Điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV; Quản lý sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả, đúng danh mục; Tổ chức sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn (VietGAP, hữu cơ); Kiểm dịch thực vật nội địa và xuất nhập khẩu.

² Luật số 146/2025/QH15, Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015; Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2026; Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2026...

Công tác phân công, phân cấp trong tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện rõ ràng, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; đồng thời chỉ đạo đến các UBND xã, phường triển khai thực hiện tại cơ sở, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Bên cạnh đó, đã đa dạng hóa các hình thức chỉ đạo, điều hành như: Tổ chức hội nghị triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn; Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ cấp xã, phường; Hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở gắn với sản xuất thực tế; Ban hành văn bản hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật được tăng cường, tập trung vào các nội dung trọng điểm như: Kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; Kiểm tra việc buôn bán, sử dụng thuốc BVTV; Giám sát dịch hại cây trồng và công tác phòng, chống; Kiểm tra việc chấp hành quy định về phân bón, giống cây trồng. Qua công tác kiểm tra đã kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; đồng thời chấn chỉnh, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định pháp luật.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được thực hiện kịp thời, đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp, hướng tới phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững.

3. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (Phụ lục 2 kèm theo)

Trên cơ sở quy định của Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, các luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, tỉnh UBND tỉnh Lào Cai đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành có liên quan đến Luật Trồng trọt; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật. UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch, Đề án liên quan đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, trực tiếp ban hành các Chỉ thị, công văn, kế hoạch để tổ chức thực hiện tốt các nội dung được quy định trong Luật. Ngoài ra các cơ quan chuyên môn chuyên ngành trực thuộc các sở, ban ngành và UBND các xã, phường tích cực, chủ động tham mưu các văn bản triển khai thực hiện các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

Kết quả: Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành 12 Nghị quyết hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. UBND tỉnh Lào Cai ban hành 41 Quyết định, 12 Kế hoạch, 37 văn bản chỉ đạo phát triển sản xuất trồng trọt, thực hiện công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi

trường đã ban hành các quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, phối hợp trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động trồng trọt và bảo vệ thực vật theo thẩm quyền
(Phụ lục 3 kèm theo)

a. Thanh tra, kiểm tra bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Hàng năm, cơ quan thanh tra chuyên ngành phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương tổ chức 02 đợt thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân sử dụng, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn từ năm 2015 đến nay, đã kiểm tra 2.095 hộ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phát hiện 335 trường hợp vi phạm; kiểm tra 1.184 cơ sở, công ty, hộ gia đình về kiểm dịch thực vật nội địa đối với sản xuất giống cây trồng mới nhập nội, phát hiện 07 lô cây trồng mới nhập nội đã gieo trồng ngoài đồng ruộng nhưng không xuất trình được giấy tờ kiểm dịch thực vật nhập khẩu, đoàn kiểm tra đã nhắc nhở và yêu cầu chủ vật thể chấp hành quy định về kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu; kiểm tra 3.341 lượt cửa hàng, đại lý, phát hiện 174 lượt hành vi vi phạm

Các lỗi vi phạm chủ yếu như: Sắp xếp hàng hóa chưa đúng quy định, bảng niêm yết giá, sổ sách ghi chép chưa đầy đủ, còn để lẫn hàng hóa trong kho, nhãn mác không đúng quy định; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm sử dụng tại Việt Nam; thiếu đồ bảo hộ lao động; không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đã hực hiện xử phạt 509 vụ vi phạm với tổng số 491,9 triệu đồng; đồng thời thu giữ vô chủ 11.298kg thuốc BVTV ngoài danh mục; Đã truy tố 01 vụ buôn lậu thuốc bảo vệ thực vật với tổng khối lượng 2.608 kg, trong đó có 139 kg thuộc danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

b. Thanh tra, kiểm tra về hoạt động Trồng trọt

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức 162 cuộc kiểm tra về hoạt động trồng trọt; thực hiện kiểm tra 1.384 lượt cơ sở kinh doanh buôn bán phân bón và trên 700 lượt cơ sở kinh doanh giống cây trồng (hạt giống ngô, lúa), đây là các đại lý, nhà phân phối cho các đơn vị sản xuất, nhập khẩu giống như Công ty hạt giống CP, Công ty giống cây trồng Trung Ương, Công ty giống cây trồng Thái Bình, Công ty BIOSEED... Các đơn vị được thanh tra đều chấp hành quy định về hóa đơn, chứng từ nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; chấp hành các quy định về nội dung bắt buộc trên nhãn, các sản phẩm hàng hóa còn hạn sử dụng, giống nằm trong danh mục giống được phép sản xuất và kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành, các chủng loại giống đều đáp ứng quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định; có đầy đủ hồ sơ về công bố tiêu chuẩn chất lượng; chứng nhận hợp quy, thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy.

Sở Nông nghiệp và Môi trường không nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh. Không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc kinh doanh, buôn bán giống cây trồng; công tác sử dụng và bảo vệ tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác nghiên cứu khoa học về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Đã thực hiện 19 đề tài KHCN về ứng dụng chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật; áp dụng trên 20 sáng kiến cải tiến kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt; lồng ghép các chương trình, dự án tổ chức trên 1.758 đợt tập huấn, tuyên truyền với trên 91.589 lượt người tham gia nhằm đào tạo chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp, đào tạo nghề cho người dân và phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân và khoa học công nghệ. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được chuyển giao ứng dụng vào sản xuất và đời sống, trình độ sản xuất của nông dân ngày càng nâng lên, đặc biệt là việc đầu tư thâm canh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, an toàn như: thâm canh lúa cải tiến (SRI), sản xuất VietGAP trên cây chè, rau; công nghệ tưới tiết kiệm; công nghệ nhà lưới,...

Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú trọng xây dựng mô hình thử nghiệm các sản phẩm cây trồng có giá trị kinh tế cao như trồng Sâm Ngọc Linh dưới giàn che tại xã Lũng Phình; mô hình trồng, chế biến một số sản phẩm giàu omega từ cây sacha inchi; xây dựng mô hình trồng cây Hoài sơn theo tiêu chuẩn VietGAP... Công tác hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu cho một số sản phẩm trồng trọt được chính quyền các cấp, doanh nghiệp và người dân từng bước quan tâm; một số nhãn hiệu được xây dựng và phát triển như: Dược liệu Bắc Hà, Đương quy Bát Xát, Xuyên khung Bát Xát, Hà thủ ô đỏ Lào Cai, Tam thất bắc Lào Cai, Sa nhân Mường Khương... và đã được cấp bằng bảo hộ.

Toàn tỉnh đã có nhiều giống cây trồng được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận như giống mận Tả Van, mận Tam Hoa, giống Đào Đ2 (Đào Pháp), giống Đào XP21 (Đào xanh đường), giống Lê XT77 (Lê đường ruột trắng), giống chè Shan Mường Khương, giống lúa (lúa thuần Tân Thịnh 15, lúa thuần LC26, lúa lai 02 dòng LC18, Ség cù, Tẻ Ken), giống Khoai môn Bảo Yên, ... Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm giống cây trồng được đánh giá phù hợp bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh như: giống đào ĐMN1 trên địa bàn huyện Mù Cang Chải; giống Na nhập nội; giống nhãn chín sớm PHS2 và chín muộn PHM99- 1.1; giống cam CT9 và CT36 trồng trên địa bàn tỉnh. Các nhiệm vụ đưa vào có tính khả thi, các nhiệm vụ duy trì, ứng dụng, nhân rộng trong sản xuất và đời sống ngày càng tăng.

Nhìn chung, những kết quả đạt được trong việc phát triển sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ đã giúp đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, tăng cường áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến làm thúc đẩy phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh góp phần nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường. Công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, cần tiếp tục quan tâm đầu tư nguồn lực, đổi mới phương thức nghiên cứu và tăng cường chuyển giao để phát huy hiệu quả cao hơn.

6. Tình hình thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định trách nhiệm trong QLNN khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Thực hiện các Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó có 02 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được phân định thẩm quyền chuyển từ cấp tỉnh về cấp xã thực hiện: (1) *Tổ chức thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật vô chủ tại địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.* (2) *Thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.*

Nhằm bảo đảm các địa phương trong tỉnh chủ động, kịp thời tiếp cận và tổ chức triển khai, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 10/4/2026 về việc tăng cường quản lý hoạt động sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời giao Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành một số văn bản hướng dẫn, như: Văn bản số 1900/SNNMT-TTBVTVCNTYTS ngày 16/9/2025 về triển khai Thông tư số 40/VBHN-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Bên cạnh đó, đã giao Sở Nội vụ tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ cấp xã về các nội dung được phân cấp, phân quyền về cấp xã theo quy định hiện hành.

Căn cứ Nghị định 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP của chính phủ, Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó có 7 bộ TTHC thuộc lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật; 9 bộ TTHC thuộc lĩnh vực trồng trọt được phân cấp thực hiện từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường về UBND cấp tỉnh giải quyết. Sau khi Nghị định có hiệu lực, tỉnh Lào Cai đã chủ động rà soát, công bố, chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử và phân công rõ trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tại quyết định số 667/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai ngày 13/3/2026 và Quyết định 943/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai; đồng thời để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết các TTHC, UBND tỉnh Lào Cai tiếp tục uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trồng trọt và bảo vệ thực vật về Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 4/12/2025.

Việc phân định trách nhiệm giữa các cấp cơ bản được thực hiện theo nguyên tắc rõ cơ quan, rõ việc, rõ thẩm quyền, góp phần hạn chế chồng chéo trong công tác quản lý. Trong công tác quản lý lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, các nhiệm vụ như quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công tác dự tính, dự báo và phòng, chống sinh vật gây hại; kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính được phân công tương đối cụ thể, bảo đảm sự phối hợp từ tỉnh đến địa phương. Qua triển khai, công tác phân cấp, phân quyền đã đạt được một

số kết quả tích cực: bộ máy được tinh gọn, giảm tầng đầu mối, cơ quan trung gian; nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền cơ sở; rút ngắn thời gian giải quyết công việc; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và khả năng phản ứng kịp thời với tình hình sản xuất và dịch hại trên cây trồng.

7. Về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thực hiện hoạt động trồng trọt tại địa phương

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015, cơ quan thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn tỉnh là Chi cục Bảo vệ thực vật.

Từ ngày 01/01/2016 đến 24/02/2017, thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 và Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, phòng Trồng trọt thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT được sáp nhập vào Chi cục Bảo vệ thực vật để thành lập Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Từ năm 2017 đến tháng 3 năm 2025, thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn đầu mối tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tỉnh Lào Cai thí điểm thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở sáp nhập Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y và Trạm Khuyến nông. Theo đó, cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực có nhiều thay đổi, cụ thể:

(i) Cấp tỉnh giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; công tác thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được chuyển về Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(ii) Cấp huyện, nhiệm vụ điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo sinh vật gây hại cây trồng do Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố đảm nhiệm; các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật do phòng Nông nghiệp/Kinh tế thực hiện. Mỗi Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp bố trí từ 2 đến 4 viên chức thực hiện nhiệm vụ điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo sinh vật gây hại; các phòng Nông nghiệp/Kinh tế cấp huyện phân công 01 cán bộ thực hiện nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Từ tháng 7 năm 2025 đến nay: Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng được sắp xếp, tổ chức lại bộ máy trên cơ sở sáp nhập các đơn vị có chức năng nhiệm vụ tương đồng; cụ thể:

(i) Cấp tỉnh giao Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản là cơ quan quản lý về lĩnh vực Trồng trọt; Bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về sản xuất trồng trọt, quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cấp mã số vùng trồng, kiểm soát chất lượng nông sản và hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Bộ máy cơ bản được sắp xếp ổn định, giảm đầu mối trung gian, tăng cường tính liên thông giữa quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật. Biên chế công chức được giao 56 biên chế và 03 hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ trồng trọt và bảo vệ thực vật cấp tỉnh (phòng trồng trọt và bảo vệ thực vật) gồm 17 công chức và 02 lãnh đạo Chi cục trực tiếp phụ trách.

(ii) Cấp xã, phường giao phòng Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện nhiệm vụ quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật; Đồng thời, tại các địa phương đã thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trực thuộc UBND cấp xã, phường để thực hiện các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, trong đó có lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Toàn tỉnh hiện có 99 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, mỗi trung tâm bố trí từ 01 đến 02 công chức được giao phụ trách quản lý lĩnh vực nông nghiệp.

Về nguồn nhân lực trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn từ trung cấp đến đại học và sau đại học ngày càng được nâng cao. Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được quan tâm, đặc biệt trong các lĩnh vực: canh tác bền vững, nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như thiếu nhân lực chất lượng cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa; chưa thu hút được cán bộ có trình độ cao. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực quản lý; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT TRỒNG TRỌT VÀ LUẬT BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, BẤT CẬP, HẠN CHẾ

1. Kết quả thi hành Luật Trồng trọt

1.1. Công tác quản lý giống cây trồng

a) Về nghiên cứu, khai thác, sử dụng, bảo tồn nguồn gen giống cây trồng

Giống Lúa: sưu tầm, nghiên cứu, duy trì, chọn lọc và phát triển trên 130 nguồn gen giống lúa bao gồm 20 dòng lúa bố (R333, R212, R270, R6812, R4379, R12, R2022, R555, R99,...); 13 dòng lúa mẹ (103S, T18S, 137A, T61, T69, T78, T668, T55, T80, T8411, T755..); 10 dòng lúa thuần (Séng Cù, LH12, LC35, LC134, LC26, Tẻ đỏ, nếp NL 29, nếp NL30, nếp thâm dương...) và 87 nguồn vật liệu từ chọn lọc phân ly, làm thuần và sưu tầm. Lưu giữ duy trì tại Trại nghiên cứu và sản xuất giống điền Đông Công, Trại nghiên cứu và sản xuất rau quả điền Bắc Hà;

Giống cây ăn quả với trên 50 nguồn gen: Cây ăn quả nhiệt đới như Giống nhãn (Nhãn Hương chi, Nhãn lồng, Nhãn Đường phèn, Nhãn Cùi...); Giống Xoài (Xoài Úc, Xoài thái, Xoài Đài Loan...); Giống Vải (Vải Thiều, Vải Thanh Hà, Vải Tu hú...); Giống ổi, Giống bưởi, Giống Hồng xiêm, Giống Mít, Giống Bơ, Giống táo Đại mật, táo đài loan., ổi Ruby... Cây ăn quả ôn đới như: Giống Lê (Lê VH6, Lê XT77, Lê Xanh địa phương, Lê Nâu, Lê Cao Bằng, Lê Chịu nhiệt Văn Bàn, Lê Ấn Độ, Lê Hàn Quốc...), giống Mận (Mận Tam Hoa, Mận tím chín sớm, Mận tả Van, mận Hậu, Mận Tả Hoàng Ly, mận tả van chín sớm...), Giống Đào (Đào D2, Đào Xanh choins muộn. Đào Úc, Đào Maycross...), Giống tỳ Bà, Giống Dâu...;

Giống dược liệu, rau hoa với trên 10 chủng loại (Tam thất, sâm ngọc linh; rau cải mè, cải ngồng Sa Pa, giống cà chua, giống ớt, bắp cải...). Làm chủ công nghệ nhân giống chuối tiêu già Nam Mỹ, chuối tiêu hồng, chuối tây Thái Lan,

giống chuối tiêu GL3-1 và giống dưa (MD2). Nuôi cây mô tế bào với số lượng có thể sản xuất được 50.000 cây giống các loại góp phần nâng cao hệ số nhân giống, chất lượng cây giống phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa tỉnh.

b) Về hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng:

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã phê duyệt các đề tài về lĩnh vực chọn tạo giống mới từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ như: Giống Mận tím chín sớm Bắc Hà; Giống LC268 đã được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng số 609/QĐ-TT-CLT ngày 17/12/2024; Giống LC26 đã được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng số 608/QĐ-TT-CLT ngày 17/12/2024.

Các giống cây trồng trên địa bàn tỉnh đã được cấp Quyết định lưu hành, tự công bố lưu hành như: Giống Lúa thuần Sóng cù (Quyết định số 358/QĐ-TT-CLT ngày 22/11/2022); Lúa thuần Hương Chiêm (Quyết định số 280/QĐ-TT-CLT ngày 28/7/2023); Lúa nếp Tú Lệ (Quyết định số 281/QĐ-TT-CLT ngày 28/7/2023); Lúa Tẻ Ken (Quyết định số 08/QĐ-TT-CLT ngày 04/1/2024); Lúa nếp Bản Qua (Quyết định số 120/QĐ-TTTV-QLGCT ngày 30/9/2025); Lúa lai hai dòng LC212 (Quyết định gia hạn số 480/QĐ-TT-CLT ngày 29/12/2022); Lúa lai hai dòng LC270 (Quyết định gia hạn số 482/QĐ-TT-CLT ngày 29/12/2022); Lúa lai ba dòng LC25 (Quyết định gia hạn số 481/QĐ-TT-CLT ngày 29/12/2022); Lúa lai hai dòng LC18 (Quyết định số 609/QĐ-TT-CLT ngày 17/12/2024); Lúa lai hai dòng LC268 (Quyết định số 502/QĐ-TT-CLT ngày 21/12/2023); Lúa thuần LC26 (Quyết định số 608/QĐ-TT-CLT ngày 17/12/2024); Giống Mận Tam Hoa Bắc Hà (Quyết định số 248/QĐ-TT-CCN ngày 16/12/2021); Giống Mận Tả Van (Quyết định số 205/QĐ-TT-CCN ngày 31/5/2023); Các giống Đào Đ2, Mận Tím chín sớm Bắc Hà, Đào XP21, Lê XT77, Hồng Jiro: Trung tâm Giống Nông nghiệp đã tự công bố tiêu chuẩn cơ sở, tự công bố lưu hành, hiện đã được tiếp nhận và đăng trên cổng thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và BVTV; Giống khoai môn Bảo Yên (Quyết định số 124/QĐ-TT-CLT ngày 12/3/2024).

c) Về hoạt động sản xuất, buôn bán giống cây trồng

Đã thực hiện bình tuyển và công nhận 28 vườn cây đầu dòng, trong đó cấp Quyết định công nhận 22 vườn cây ăn quả đầu dòng đối với các loại cây Lê, Mận, Đào, Hồng và 06 vườn cây chè đối với các giống Kim Tuyên, Shan, phục vụ khai thác mắt ghép nhân giống vô tính. Tổng số mắt ghép khai thác tại thời điểm cấp Quyết định chứng nhận đạt trên 20 triệu mắt. Đồng thời, đã cấp Quyết định công nhận 169 cây đầu dòng đối với các loại cây Lê, Đào, Mận với tổng số 70.500 mắt ghép khai thác tại thời điểm chứng nhận. Tỉnh Lào Cai đã chủ động làm chủ công nghệ sản xuất, duy trì ổn định dòng lúa mẹ, sản xuất hạt lúa lai, với sản lượng cung ứng cho thị trường đạt trên 350 tấn giống lúa/năm. Bên cạnh đó, hằng năm sản xuất được khoảng 15 vạn cây giống ăn quả các loại như Mận Tả Van, Mận tím chín sớm, Mận Tam Hoa, Đào D2, Đào Pháp, Lê VH6 và Lê xanh địa phương.

Hệ thống nghiên cứu sản xuất giống: Trong những năm qua, tỉnh Lào Cai đã quan tâm, đầu tư xây dựng Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh nhằm thực hiện các chức năng: Nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn tạo giống nông nghiệp; sản xuất,

kinh doanh, cung ứng dịch vụ giống, trang thiết bị và vật tư nông nghiệp; lưu trữ, bảo tồn nguồn gen giống nông nghiệp; xuất nhập khẩu giống và vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trung tâm được bố trí quỹ đất nông nghiệp, đầu tư hệ thống nhà công nghệ, kho xưởng... phục vụ công tác bảo tồn, nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có Trại nghiên cứu trồng cây thuốc Sa Pa của Viện Dược liệu thực hiện nghiên cứu, khảo nghiệm, di thực và bảo tồn một số loại dược liệu có giá trị kinh tế, lượng giống mà trại sản xuất ra chủ yếu phục vụ nghiên cứu và cung ứng trong khu vực; Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây ôn đới thuộc phường Sa Pa thực hiện nghiên cứu chọn, tạo, tuyển chọn và nhân giống các giống cây ôn đới năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh cho các vùng sinh thái mang đặc thù khí hậu ôn đới và cận nhiệt đới. Vườn quốc gia Hoàng Liên cũng đang thực hiện sản xuất một số giống cây bằng phương pháp nuôi cấy mô, tập trung vào loài cây dược liệu có giá trị.

Hệ thống buôn bán giống cây trồng: Ngoài hệ thống đơn vị sự nghiệp cung cấp giống cây trồng, tỉnh Lào Cai khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Hàng năm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống đều được các cơ quan chuyên môn đánh giá, kiểm tra đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Giống cây trồng ngoài đáp ứng nhu cầu sản xuất nội tỉnh còn cung cấp sang các thị trường: Lai Châu, Tuyên Quang, Điện Biên..., đặc biệt Lào Cai đã xây dựng được thương hiệu khá bền vững trên thị trường kinh doanh giống lúa với hàng loạt hệ thống đại lý tại nhiều tỉnh thành; riêng giống cây ăn quả ôn đới cũng được các địa phương trong tỉnh và các tỉnh miền núi phía Bắc ưu tiên sử dụng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 350 cơ sở sản xuất, buôn bán giống cây trồng phân bố rải rác tại các xã phường. Số lượng và chủng loại giống đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của Nhân dân. Giống lúa có trên 70 loại (lúa thuần chiếm trên 75%, lúa lai 25%), chủ yếu: BC 15, TBR 225, Thiên ưu 8, Sóng cù, Bắc thơm, Tám thơm, Thuần thơm, Nghi hương, LH 12, Tân ưu 98, LC 25, LC 270, LC 212, VL 20, Nhị ưu 838, ADI 168.... Giống ngô có trên 50 loại (giống ngô lai chiếm trên 95%), chủ yếu: Bioseed9698, CP888, CP333, LVN885, LVN61, LVN99, LVN145 (AG59), VS36, DK (9955, 9955S, 6919, 6919S, 9950C, 9901, 6818), NK (6101, 6275, 4300, ngô chuyển gen 4300BT/GT, 66BT/GT).

d) Về quản lý chất lượng giống cây trồng:

UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 21/9/2022 Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý giống cây trồng nông lâm nghiệp, giống cây dược liệu, giống cây cảnh và giống nấm ăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các Văn bản về tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện về công tác quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan như sở công thương, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy biên phòng, Hải quan, chính quyền địa phương tổ chức các đợt thanh, kiểm tra liên ngành việc sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, buôn bán giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

đ) Công tác xuất, nhập khẩu giống cây trồng:

Sau khi các TTHC cấp Giấy phép xuất, nhập khẩu giống cây trồng (đôi với các giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế) được phân cấp từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường về UBND cấp tỉnh thực hiện. Căn cứ các quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, Thông tư 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Lào Cai đã ban hành danh mục và quy trình thực hiện các bộ TTHC có liên quan. Từ tháng 7 năm 2025 đến nay, chưa phát sinh bộ TTHC.

e) Về sử dụng giống cây trồng:

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu Kế hoạch đối với một số cây trồng chính trên địa bàn tỉnh làm căn cứ cho các địa phương thực hiện. Các sở ban ngành, đơn vị chuyên môn có liên quan ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể trước mỗi vụ sản xuất. Khuyến khích Nhân dân sử dụng giống cây trồng ngắn ngày, có năng suất, chất lượng cao, giống chịu hạn, giống có khả năng chống chịu sâu bệnh để đưa vào sản xuất... Trên địa bàn tỉnh Lào Cai đang lưu thông trên 70 loại giống lúa và 50 loại giống ngô và một số giống cây trồng chủ lực khác như: Dứa Queen, chè Shan, chè Kim tuyên, chuối tiêu, chuối ngự, các loại cây dược liệu (Cát cánh, Đương quy, Actiso, Xuyên khung, Bạch chỉ,...), cây ăn quả ôn đới gồm mận Tam Hoa, mận Tả Van, lê VH6, đào Pháp chín sớm... Toàn bộ lượng giống cây trồng phục vụ sản xuất được người dân mua tại Trung tâm giống Nông nghiệp tỉnh và 349 cơ sở sản xuất, buôn bán giống cây trồng trên địa bàn toàn tỉnh. Đối với giống cây ăn quả (chè, chuối, dứa, cây ăn quả ôn đới...), trong đó: Trung tâm giống Nông nghiệp sản xuất giống cây ăn quả ôn đới là chủ yếu, còn lại các giống cây trồng khác một phần được người dân tự sản xuất, để giống, một phần được mua tại cơ sở cung ứng trên địa bàn tỉnh, còn lại được mua từ các đơn vị ngoài tỉnh.

1.2. Công tác quản lý phân bón

a) Công tác khảo nghiệm phân bón:

Đến thời điểm hiện tại, chưa có tổ chức, cá nhân xin cấp phép khảo nghiệm phân bón trên địa bàn tỉnh.

b) Hoạt động sản xuất, buôn bán phân bón:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 14 doanh nghiệp sản xuất phân bón, gồm: 01 doanh nghiệp sản xuất phân bón hữu cơ (sản lượng sản xuất đạt 1.200 tấn/năm) và 13 doanh nghiệp sản xuất phân bón vô cơ (sản lượng sản xuất đạt khoảng 500.000 tấn/năm) với các sản phẩm chủ yếu như NPK, DAP, MAP, Supe lân, lân nung chảy; 857 cơ sở với khoảng 200 sản phẩm phân bón lưu thông trên thị trường cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất của người dân. Nhìn chung, các cơ sở kinh doanh cơ bản chấp hành quy định pháp luật về điều kiện buôn bán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại tình trạng kinh doanh nhỏ lẻ, phân tán nhất là tại khu vực biên giới và vùng sâu, vùng xa.

c) Công tác xuất khẩu, nhập khẩu phân bón:

Sau khi các TTHC cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón (đối với các sản phẩm phân bón làm nguyên liệu sản xuất, phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế) được phân cấp từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường về UBND cấp tỉnh thực hiện. Căn cứ các quy định tại Thông tư số

12/2025/TT-BNNMT, Thông tư 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Lào Cai đã ban hành danh mục và quy trình thực hiện các bộ TTHC có liên quan. Từ tháng 7 năm 2025 đến nay, chưa phát sinh bộ TTHC.

d) Quản lý chất lượng, quảng cáo, sử dụng phân bón

Việc thực hiện công bố hợp quy đối với phân bón được triển khai theo quy định của Luật Trồng trọt 2018. Theo đó, các tổ chức, cá nhân sản xuất và nhập khẩu phân bón đã cơ bản thực hiện việc đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường, góp phần tăng cường kiểm soát chất lượng phân bón trên địa bàn. Nhìn chung, công tác công bố hợp quy đã từng bước đi vào nền nếp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt tại địa phương.

Trên địa bàn tỉnh, nhu cầu sử dụng phân bón hằng năm khoảng 489.492 tấn, trong đó phân bón vô cơ khoảng 218.547 tấn, phân bón hữu cơ khoảng 250.945 tấn và phân bón sinh học khoảng 20.000 tấn. Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng và hoạt động quảng cáo phân bón, các cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu phân bón để phân tích chất lượng, qua đó kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm và đảm bảo nguồn phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hàng năm, tỉnh Lào Cai tổ chức lấy mẫu và phân tích chất lượng đối với 70-100 mẫu sản phẩm phân bón lưu thông trên địa bàn tỉnh.

1.3. Công tác canh tác

a) Việc phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung và liên kết sản xuất, đặc biệt là công tác quản lý và cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung: Sản xuất an ninh lương thực được đảm bảo; bước đầu hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Vùng chè đạt 16.082 ha, dứa 6.555 ha, dâu tằm 1.535 ha, cây ăn quả 25.590 ha, rau 23.590 ha... Đã chuyển đổi 11.260 ha diện tích cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Giá trị sản xuất trồng trọt năm 2025 đạt 8.041 tỷ đồng (giá so sánh 2010).

Các vùng thâm canh trọng điểm lúa khoảng 16.500 ha tập trung tại các xã Võ Lao, Khánh Yên, Văn Bàn, Nghĩa Đô, Bảo Hà, Bát Xát, Xuân Quang, Gia Phú, phường Nghĩa Lộ, phường Trung tâm, Mường Lai, Thác Bà, Lục Yên, xã Mậu A...; tập trung phát triển các loại lúa đặc sản, bản địa của địa phương (Nếp Tú Lệ, Chiêm Hương, Sóng Cù, Tẻ Đỏ), các giống có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh khá, có khả năng chịu rét, chịu hạn thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước giảm diện tích gieo trồng ngô 1 vụ kém hiệu quả, tập trung vào thâm canh, tăng năng suất và hình thành các vùng sản xuất ngô hàng hóa khoảng 9.600 ha tại các xã Bát Xát, Trịnh Tường, Phong Hải, Xuân Quang, Khánh Yên, Thượng Hà, Bảo Hà, Pha Long, Mường Khương, Bắc Hà, Sín Chéng, Lũng Phình, Văn Chấn, Lâm Giang, Khánh Hòa, Đông Công, Lâm Thượng... Năng suất, sản lượng lúa, ngô bình quân tăng, góp phần tích cực vào

việc đảm bảo an ninh lương thực của tỉnh liên tục trong nhiều năm, năm 2025 tổng sản lượng lương thực có hạt 645.270 tấn.

Vùng dứa: Đến năm 2025, diện tích dứa toàn tỉnh 6.555 ha, sản lượng 30.180 tấn; tập trung phát triển các chủng loại cây dứa có lợi thế cạnh tranh phù hợp với các tiểu vùng khí hậu, đặc biệt là các sản phẩm có thể mạnh của địa phương như: Atiso, Địa liên, Cát cánh, Đương quy, Hà thủ ô, Tam thất, Tam thất nam, Bảy lá một hoa,...; Vùng tập trung tại các xã: Ý Tý, Lũng Phình, Tả Củ Tỷ, Si Ma Cai, Nậm Có, Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải.

Vùng sản xuất chè: Đến năm 2025, diện tích chè toàn tỉnh 16.082 ha, trong đó có 1.219,05 ha chè hữu cơ; sản lượng 128.970 tấn. Vùng chè tập trung phát triển tại các xã Bản Lầu, Mường Khương, Cao Sơn, Bảo Yên, Xuân Hòa, Tầng Lông, Phong, Hải, A Mú Sung, Mường Hum, phường Trung Tâm, Liên Sơn, Văn Chấn, Chấn Thịnh, Nghĩa Tâm; vùng sản xuất chè hữu cơ tại các xã: Bản Liền, Phình Hồ, Sơn Lương, Văn Chấn.

Vùng sản xuất cây ăn quả: Đến năm 2025, toàn tỉnh có 25.590 ha cây ăn quả, sản lượng 206.300 tấn; trong đó vùng cây ăn quả ôn đới (lê, đào, mận) khoảng 6.000 ha, sản lượng 15.780 tấn; cây ăn quả có múi (bưởi Đại Minh, cam sành Lục Yên, quýt Mường Khương...) 7.470 ha, sản lượng 54.745 tấn; cây chuối 3.884 ha (chuối hàng hóa xuất khẩu 2.865 ha, sản lượng 58.000 tấn); cây dứa 2.616 ha, sản lượng 50.200 tấn; cây ăn quả khác 5.620 ha, sản lượng đạt 27.575 tấn.

Vùng sản xuất trồng dâu, nuôi tằm: Đến năm 2025, toàn tỉnh có 1.535 ha, sản lượng 34.800 tấn; tập trung chủ yếu tại xã Trấn Yên (gần 700 ha), còn lại phát triển tại các xã dọc sông Hồng: Xã Quy Mông, Hưng Khánh, Chấn Thịnh, Liên Sơn, Mậu A, Đông Công, Phúc Khánh, Bảo Hà, Văn Bàn.

Vùng sản xuất rau các loại: Năm 2025, diện tích toàn tỉnh 23.590 ha, sản lượng 304.321 tấn; trong đó, sản xuất rau an toàn, rau trái vụ vùng cao khoảng trên 2.000 ha (chủ yếu ở khu vực Lào Cai cũ). Phát triển các vùng rau tập trung, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào phát triển sản xuất rau tại các vùng có điều kiện thích hợp, đồng thời nghiên cứu, sản xuất một số giống rau có giá trị kinh tế cao phù hợp với vùng khí hậu ôn đới vùng cao để cung cấp cho sản xuất đại trà.

Hợp tác, liên kết sản xuất: Trên địa bàn tỉnh có 139 dự án, mô hình liên kết và 376 dự án phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 (gồm: 20 dự án liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; 356 dự án sản xuất cộng đồng). Thông qua hoạt động thu hút đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đã tăng cường đổi mới và thúc đẩy quan hệ sản xuất trong nông nghiệp theo hướng ổn định, bền vững. Nhiều sản phẩm nông sản của tỉnh đã tham gia thị trường xuất khẩu như: Quế (vỏ và tinh dầu), chè, măng tre Bát Độ, sản phẩm gỗ rừng trồng, tơ tằm, chè... Toàn tỉnh có 804 HTX nông nghiệp; tổng số thành viên HTX khoảng hơn 20.000 người. Tổng số vốn hoạt động của HTX khoảng trên 2.000 tỷ đồng; Doanh thu bình quân của HTX khoảng 2,2 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện các mô hình liên kết chuỗi giá trị, HTX nông nghiệp có vai trò rất quan trọng, vừa đóng vai trò thúc đẩy liên kết ngang giữa các hộ nông dân thông qua các

hành động tập thể để tổ chức sản xuất, vừa thúc đẩy liên kết dọc với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

Quản lý và cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói: Công tác quản lý và cấp mã số vùng trồng được quan tâm thực hiện nhằm phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Nhằm triển khai có hiệu quả Nghị định 38/2026/NĐ-CP, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2099/UBND-NLN ngày 23/3/2026 của UBND tỉnh Lào Cai v/v thực hiện NĐ số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ nhằm triển khai thực hiện công tác cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, toàn tỉnh Lào Cai đã cấp được cho 51 mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu với diện tích 1.501 ha, trên cây chuối, chè, dó bầu, bưởi, xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc, Châu Âu, Đài Loan,... ; 07 cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu và 77 mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa với diện tích 450,7 ha trên cây chè, chuối, cây ăn quả có múi, nâm, dược liệu...

Hàng năm, tổ chức trên 34 lớp tập huấn về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói với khoảng 1.700 lượt người tham gia; đồng thời phát hành 16.000 tờ rơi tuyên truyền về cấp, quản lý và duy trì mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói. Sản phẩm hàng hóa của tỉnh từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường khó tính như Trung Quốc, EU, Mỹ, Đài Loan..., qua đó góp phần nâng cao giá trị sản xuất và thu nhập cho người dân.

Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục mở rộng vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với nhu cầu thị trường; đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị có sự tham gia của doanh nghiệp; tăng cường tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực tuân thủ của người sản xuất; đồng thời siết chặt quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói gắn với ứng dụng chuyên đổi số, truy xuất nguồn gốc và nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu.

b) Xây dựng quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ cao và cơ giới hóa trong canh tác:

Đã xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng giống chất lượng cao trong các lĩnh vực như trồng rau, chè, cây ăn quả, dược liệu, quế, lúa chất lượng cao..., mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, góp phần tăng thu nhập cho nông dân từ 20-30% so với trước. Hiện nay, tỉnh Lào Cai có khoảng 520 ha sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao tại các xã như Lũng Phình, Bắc Hà, Sa Pa, Dền Sáng, Y Tý, Mường Hum... Việc ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tự động...) đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp. Vùng sản xuất chè triển khai công nghệ số phục vụ xuất khẩu, với diện tích chè hữu cơ đạt 1.219,05 ha trên tổng số 16.082 ha chè hiện có; ứng dụng GPS vệ tinh để giám sát vùng trồng và áp dụng các công nghệ chế biến tiên tiến cho sản phẩm chè chất lượng cao (ISO, HACCP, GMP, 5S, SA8000, ESG...). Đối với cây ăn quả, đặc biệt là cây ăn quả nhiệt đới và cây có múi, đã áp dụng các công nghệ giám sát sinh trưởng, quản lý sâu bệnh và dự báo năng suất. Diện tích vùng sản xuất chuối đạt khoảng 1.100 ha, tập trung tại các xã như Trịnh Tường, Bản Lầu, Mường Khương, Xuân Hòa, A Mú Sung; Diện tích cây bưởi Đại Minh là 500 ha, sản lượng 5.000

tấn/năm, sản phẩm OCOP 4 sao, công nghệ số áp dụng: chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng, mã QR code. Vùng sản xuất được liệu 50ha tại phường Sa Pa, xã Tả Phìn được cấp mã số vùng trồng phục vụ truy xuất nguồn gốc và đạt chứng nhận Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái cây thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO);

Chuyển giao đưa cơ giới hoá vào sản xuất góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả lao động và chất lượng, giá trị sản phẩm. Toàn tỉnh hiện có trên 40.150 máy sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp chủ yếu tập trung trong các khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch và chế biến. Tỷ lệ cơ giới hoá trong khâu làm đất đạt từ 50 - 60%, khâu chăm sóc đạt 30 - 40% sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật; trong khâu thu hoạch thực hiện tuốt lúa, tẽ hạt với tỷ lệ cơ giới hoá đạt 60% bằng máy có động cơ. Trong sản xuất chè: cơ giới hóa khâu làm đất bình quân 20 - 30%; khâu đôn tĩa cành tỷ lệ cơ giới hóa đạt 70 - 80%; khâu chế biến 100% các doanh nghiệp đã đầu tư dây chuyền chế biến hiện đại để nâng cao giá trị sản phẩm.

c) Canh tác hữu cơ:

Trong những năm gần đây, tỉnh Lào Cai đã nỗ lực chuyển đổi từ nền nông nghiệp truyền thống sang nền nông nghiệp sinh thái, bền vững thông qua việc áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, sạch và thực hành nông nghiệp tốt theo chuẩn VietGAP, hữu cơ... Hiện nay, Toàn tỉnh đã xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, bao gồm các lĩnh vực như trồng rau, chè, cây ăn quả, dược liệu và lúa chất lượng cao đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, giúp tăng thu nhập cho nông dân từ 20-30 % so với trước kia. Tính đến thời điểm hiện tại, Lào Cai có diện tích sản xuất được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Hữu cơ 1.224,05 ha (Chè 1.219,05 ha, Mận Tả van 5 ha); đang thu hút 4 doanh nghiệp đầu tư liên kết với gần 3.150 hộ nông dân tham gia sản xuất NNHC trên địa bàn. Một số sản phẩm chủ lực như 1.118,87 ha chè hữu cơ tại huyện Bắc Hà đang có thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định trong và ngoài nước, góp phần thay đổi tư duy sản xuất và nâng cao thu nhập của người dân địa phương.

d) Canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường

UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch số 2025/KH-UBND, ngày 26/12/2025 triển khai Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Kế hoạch triển khai với mục đích cụ thể hóa nội dung Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” được phê duyệt tại Quyết định số 4024/QĐBNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển ngành Nông nghiệp - Môi trường cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai. Theo đó, kế hoạch đề ra mục tiêu đến năm 2035 phân đầu lĩnh vực trồng trọt của tỉnh sẽ góp phần giảm ít nhất 15% tổng lượng phát thải khí nhà kính (CO₂tđ) so với năm cơ sở 2020.

Đã thực hiện Mô hình sản xuất lúa bền vững giảm phát thải khí nhà kính với diện tích 24 ha (04 mô hình với diện tích 02 ha/mô hình; 04 mô hình với diện tích 04 ha/mô hình). Địa bàn thực hiện tại các xã: Thác Bà, Hưng Khánh, Văn Chấn, Mụ A thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2025, do tổ chức Stichting

Ofam Novib (OXFAM NOVIB/Hà Lan) tài trợ. Mô hình “Canh tác lúa thông minh, giảm phát thải khí nhà kính” có quy mô 199 ha được thực hiện tại các xã Khánh Yên, xã Dương Quỳ và xã Kim Sơn. Mô hình triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật như: Tưới ngập khô xen kẽ (AWD): tiết kiệm nước, giảm phát thải khí metan. Sử dụng phân bón tan chậm, phân hữu cơ, vi sinh: giảm lượng phân hóa học, giảm khí thải N₂O. Quản lý dịch hại tổng hợp, dùng chế phẩm sinh học bằng việc hạn chế thuốc hóa học, bảo vệ hệ sinh thái. Xử lý rơm rạ bằng chế phẩm sinh học thay vì đốt ngoài đồng, vừa giảm ô nhiễm vừa tạo phân hữu cơ cho vụ sau. Ứng dụng công nghệ số và cơ giới hóa máy bay không người lái phun thuốc, cảm biến theo dõi độ ẩm, phân tích dữ liệu để ra quyết định chính xác. Mô hình được triển khai đánh dấu sự chuyển mình trong tư duy sản xuất lúa nước từ chú trọng sản lượng sang chú trọng chất lượng, hiệu quả kinh tế và yếu tố môi trường.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, qua việc tích cực triển khai những chương trình, mô hình cụ thể nào trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu, tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp có ứng dụng KH-CN, chuyển đổi số gắn với giảm phát thải của tỉnh tăng lên rõ rệt. Cụ thể: Ứng dụng drone phun thuốc BVTV trên lúa, chè, cây ăn quả, giảm 20-35% lượng thuốc và tiết kiệm 50-70% lao động; trạm quan trắc tự động giám sát sâu bệnh, nhiệt độ, độ ẩm và lượng mưa, hỗ trợ dự báo và cảnh báo sớm bệnh rỉ sắt, đạo ôn, sâu tơ; nhà lưới - nhà màng IoT tưới tự động và theo dõi dinh dưỡng, tăng năng suất 20-25%; triển khai nhật ký điện tử và mã số vùng trồng giúp quản lý vật tư, thuốc BVTV và truy xuất nguồn gốc sản phẩm....

1.4. Công tác thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng

Cây lúa: Hình thức chế biến lương thực hiện nay chủ yếu là sử dụng máy móc xay xát nhỏ quy mô hộ gia đình, sản phẩm được đóng bao đơn giản. Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 cơ sở, doanh nghiệp/HTX chế biến lúa, gạo; tổng công suất được thiết kế của các doanh nghiệp/HTX chế biến gạo hiện nay đạt trên 7 tấn/giờ, chủ yếu thu mua, chế biến gạo đặc sản và gạo chất lượng cao, tổng sản lượng qua chế biến chiếm gần 60% sản lượng lúa chất lượng cao của tỉnh. Sản phẩm gạo sau sơ chế, chế biến chủ yếu tiêu thụ tại thị trường nội tỉnh và các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh....Giá bán gạo Ség cù khoảng 29.000 - 32.000 đồng/kg; gạo tẻ thường khoảng 19.000 - 20.000 đồng/kg.

Cây chè: Trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay có 73 doanh nghiệp/HTX sản xuất, chế biến sản phẩm chè; bao gồm 38 doanh nghiệp, 28 hợp tác xã, 07 cơ sở là hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp/HTX chế biến chè hiện nay cơ bản đã đầu tư máy móc hiện đại, khép kín từ khâu cho chè tươi vào máy sấy đến khâu phân loại và đóng gói. Trong tháng tình hình tiêu thụ thuận lợi, giá thu mua ổn định đạt 6.000 - 8.000 đ/kg. Giá chè khô xuất khẩu trung bình khoảng 2,5 -2,7 USD/Kg, chủ yếu thị trường Trung Đông, Đài Loan, Trung Quốc.... Đối với chè chất lượng cao (chè cổ thụ và chè hữu cơ) trung bình 18.000 -20.000 đồng/kg chè tươi, giá chè khô giao động từ 500.000 - 600.000 đồng/kg.

Cây dược liệu: Sản lượng cả năm đạt 30.180 tấn, bằng 100% KH dự kiến thực hiện, gồm các loại chủ yếu như sa nhân, chè dây, giảo cổ lam, hồi, atiso, cát cánh, đương quy, xuyên khung, chù dù, gừng, nghệ....; giá trị sản xuất cả năm đạt gần 730 tỷ đồng. Đến nay, toàn tỉnh có 09 loại cây dược liệu đạt chứng nhận Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái cây thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO). Trong đó: Diện tích Atiso, Địa liền, Cát cánh, Đương quy, Hà thủ ô, Tam thất, Tam thất nam, Bảy lá một hoa: 118,7 ha và Vùng thu hái Chè dây (xen diện tích rừng): 20.100 ha do Công ty Traphaco Sa Pa thực hiện. Bên cạnh đó, các địa phương tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phát triển cây dược liệu gắn với du lịch thông qua các sản phẩm thuốc tắm, ngâm chân, tinh dầu... Ngoài ra, mô hình trồng dược liệu (đương quy, tam thất, Ý dĩ, giảo cổ lam, Atiso,...) gắn với các món ăn bản địa độc đáo, thu hút khách du lịch nhằm tăng giá trị kinh tế.

Cây ăn quả: Sản phẩm cây ăn quả chủ yếu tiêu thụ tươi tại các thị trường trong và ngoài tỉnh. Đối với sản phẩm chuối có sản lượng toàn tỉnh 58.000 tấn. Trong đó: Chuối sản xuất hàng hóa của tỉnh Lào Cai trước sáp nhập đạt 2.709 ha; sản lượng cả năm đạt khoảng 46.000 tấn, giá chuối đạt trung bình khoảng 8.000 - 9.000đồng/kg. Sản phẩm chuối được tiêu thụ nội địa và chủ yếu được xuất sang thị trường Trung Quốc thông qua hợp tác xã Châu Thịnh Phong, công ty TNHH Hoàng Bằng, công ty Liên Giang và các thương lái. Hiện nay, toàn tỉnh đang có 10 vùng trồng chuối được cấp mã số xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc với diện tích 1100ha; Sản phẩm dứa với sản lượng toàn tỉnh đạt 50.200 tấn. Trong đó, dứa sản xuất hàng hóa của tỉnh Lào Cai cũ đạt 2.571 ha; khoảng 1/3 sản lượng được Công ty Cổ phần thực phẩm Á Châu thu mua, sản lượng còn lại được HTX Thịnh Phong và các tiểu thương thu mua xuất bán cho các nhà máy ở Bắc Giang, Ninh Bình, Hưng Yên và tiêu thụ nội địa. Giá bán bình quân khoảng 7.000 - 8.000đ/kg. Tổng giá trị lũy kế trên 2.208 tỷ đồng.(bổ sung cây ăn quả có múi)

Cây rau: Sản lượng sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong tỉnh (khoảng 80%), một phần xuất bán cho thị trường các tỉnh khác như (Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh (khoảng 20%). Giá bán giao động tùy loại từ 10.000 - 18.000 đồng/kg. Riêng cà chua có giá cao từ 45.000 - 50.000 đồng/kg.

1.5. Phối hợp chỉ đạo thực hiện về hoạt động trồng trọt

Trong thời gian qua, công tác phối hợp giữa cơ quan Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã trong triển khai các hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh Lào Cai được thực hiện ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và đạt nhiều kết quả tích cực. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh Lào Cai đã kịp thời triển khai, thực hiện tới các sở, ban, ngành, UBND các xã phường, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn. Các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn UBND các xã phường thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn toàn tỉnh; công tác phối hợp triển khai thực hiện hoạt động sản xuất lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật (BVTV) và khuyến nông ở địa phương theo đúng định hướng, chủ trương và các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường góp phần nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội.

Đặc biệt, sau khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động, nhiều nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt được phân cấp từ Trung ương về cấp tỉnh và từ cấp tỉnh về cấp xã; qua đó đã thúc đẩy cơ chế phối hợp giữa các cấp ngày càng thường xuyên, chặt chẽ, bảo đảm sự liên thông, thống nhất trong tổ chức thực hiện từ khâu ban hành chính sách đến triển khai tại cơ sở. Cơ chế phối hợp được triển khai hiệu quả thông qua hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời chủ động rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo, bất cập trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực trồng trọt.

1.6. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

a) Ưu điểm:

Luật Trồng trọt ra đời đã tạo khung pháp lý bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả, toàn diện để phát triển sản xuất trồng trọt theo các yêu cầu mới của thị trường, góp phần đẩy mạnh sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng và từng bước hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế.

Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giống cây trồng, phân bón, đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh ban hành kịp thời, đáp ứng các yêu cầu cho công tác quản lý; công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, phân bón cơ bản đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ; có sự quan tâm vào cuộc của các cấp, các ngành. Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện việc buôn bán lưu thông giống cây trồng, phân bón giả, kém chất lượng; các cơ sở kinh doanh đều được tập huấn, cấp chứng nhận đủ điều kiện buôn bán theo quy định, hàng năm đều được kiểm tra đánh giá. Công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân về các quy định của Nhà nước trong kinh doanh, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nâng cao nhận thức cho người nông dân góp phần không nhỏ vào sản xuất và tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Các quy định về thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác; tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

b) Bất cập, hạn chế:

Theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2018, mục Bảo hộ giống cây trồng quy định thời gian được bảo hộ với giống cây hàng năm là 20 năm và cây thân gỗ là 25 năm. Tuy nhiên, tại khoản 2, điều 15 của Luật Trồng trọt: Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hằng năm có thời hạn là 10 năm, giống cây trồng lâu năm có thời hạn là 20 năm và được gia hạn. Như vậy sẽ xảy ra trường hợp nhiều giống còn thời gian bảo hộ nhưng doanh nghiệp vẫn phải thực hiện công nhận lại gây tốn kém, lãng phí nguồn lực xã hội và doanh nghiệp.

Tại điểm a, khoản 1, Điều 16, Luật Trồng trọt: “Công nhận đặc cách được luật quy định là những giống đặc sản, bản địa và những giống tồn tại lâu dài ngoài sản xuất, được địa phương đề nghị”. Tuy nhiên, chưa có văn bản nào quy định thời gian tồn tại bao nhiêu lâu để các địa phương căn cứ đề nghị công nhận đặc cách.

Điều 17, điều 31, Luật Trồng trọt: Các nội dung liên quan đến “Tự công bố lưu hành giống cây trồng”: Việc tự công bố và đăng tải danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trên cổng thông tin của Cục trồng trọt còn nhiều bất cập, chưa được cập nhật thường xuyên, nhiều giống cây trồng đã được công nhận, công nhận đặc cách hoặc tự công bố lưu hành giống nhưng chưa đăng tải thông tin gây khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp và quản lý tại địa phương.

Những nội dung chưa có quy định, cần bổ sung trong Luật Trồng trọt: Quy định thời hạn công nhận lưu hành giống cây trồng đối với nhóm cây hàng năm, lâu năm cho phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định hiện hành; Quy định cụ thể thời gian tồn tại của giống tại địa phương khi thực hiện đề nghị Công nhận đặc cách giống cây trồng; Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 56, Điều 57 của Luật Trồng trọt và các quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP cho phù hợp với quy định của Luật đất đai 2024 và các quy định hiện hành.

c) Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số xã, phường có thời điểm chưa thực sự quyết liệt, việc cụ thể hóa các quy định của Luật Trồng trọt vào điều kiện thực tiễn còn chậm. Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong trồng trọt còn chậm; đầu tư cho nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật, bảo quản, chế biến còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nguyên nhân khách quan: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Luật Trồng trọt, vẫn còn một số nội dung chưa đầy đủ, thiếu cụ thể hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, chuyển đổi số và quản lý chất lượng sau thu hoạch. Điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp, thiên tai, dịch hại cây trồng có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất trồng trọt và hiệu quả đầu tư của người dân. Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực trồng trọt còn hạn chế; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến chưa đồng bộ; thị trường tiêu thụ nông sản thiếu ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái và biến động thị trường.

2. Kết quả thi hành Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

2.1. Về phòng, chống sinh vật gây hại (SVGH) thực vật

a) Công bố dịch và kinh phí chống dịch:

Từ năm 2015 đến nay, trên địa bàn tỉnh Lào Cai chưa có đối tượng sinh vật gây hại phát sinh đến mức phải công bố do vậy chưa phải bố trí nguồn kinh phí chống dịch trên các loại cây trồng.

b) Diện tích nhiễm SVGH chính trên cây trồng chủ lực qua các năm và kết quả phòng, chống SVGH:

Những năm qua, công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo sinh vật gây hại cây trồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai được duy trì thực hiện thường xuyên,

đúng quy định. Giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật gây hại khoảng 120.000 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng trên 8.000 ha, diện tích mất trắng 510 ha; tổng diện tích đã tổ chức phòng trừ đạt khoảng 130.000 ha. Đối tượng gây hại tập trung chủ yếu trên các cây trồng chính như: cây lúa (rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, khô vằn); cây ngô (sâu đục thân, sâu đục bắp, sâu xám, bệnh khô vằn, đốm lá); cây chè (bọ cánh to, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ, bệnh phòng lá); cây ăn quả có múi (sâu xanh, rầy chổng cánh, bệnh greening, loét, sẹo). Diện tích nhiễm dịch hại cơ bản được phát hiện sớm và tổ chức phòng trừ kịp thời, góp phần giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất (Diện tích mất trắng 510 ha do bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh lùn sọc đen gây ra trên cây lúa vào năm 2017 và năm 2019)

c) Hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật và công tác quản lý:

Năm 2013, tỉnh Lào Cai đã xây dựng thí điểm mô hình tổ Bảo vệ thực vật tự nguyện từ vụ mùa - vụ mùa 2015 với 2 loại hình: (1) *Tổ dịch vụ bảo vệ thực vật tự nguyện cấp xã: 01 tổ quy mô diện tích 54 ha với 370 hộ tham gia (xã Võ Lao)* (2) *Tổ dịch vụ bảo vệ thực vật tự nguyện cấp thôn: 11 tổ quy mô diện tích 129,7 ha, có 541 hộ nông dân tham gia (tại các xã Khánh Yên; xã Nghĩa Đô; Xã Tầng Lông, xã Bản Lầu).*

Kết quả hoạt động của tổ dịch vụ: Mô hình tổ dịch vụ bảo vệ thực vật tự nguyện đã bước đầu phát huy hiệu quả trong cung ứng vật tư nông nghiệp. Một số tổ thực hiện hợp đồng cung ứng toàn bộ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho người dân theo hình thức trả chậm, góp phần quản lý đồng bộ về giống, thời vụ và chăm sóc; các tổ còn lại chủ yếu cung ứng thuốc bảo vệ thực vật và hướng dẫn phòng trừ sinh vật gây hại. Mô hình nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, chính quyền và cơ quan chuyên môn; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp và các tổ dịch vụ; các thành viên trong tổ tích cực tham gia hướng dẫn nông dân thực hiện theo quy trình kỹ thuật.

Tuy nhiên, do các tổ hoạt động theo hình thức tự nguyện, không có hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước nên hoạt động phụ thuộc chủ yếu vào sự đóng góp của các hộ tham gia (khoảng 2,5-3 kg thóc/sào). Việc cung ứng vật tư theo hình thức trả chậm gặp nhiều khó khăn do yêu cầu nguồn tài chính lớn. Bên cạnh đó, các tổ không huy động được quỹ hoạt động từ tổ viên theo thỏa thuận, dẫn đến không đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động. Vì vậy, đến cuối năm 2016, các tổ dịch vụ bảo vệ thực vật tự nguyện đã ngừng hoạt động.

d) Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức về phòng, chống SVGH cây trồng cho cán bộ và nông dân:

Từ năm 2015 đến nay, ngành nông nghiệp và các địa phương, đơn vị liên quan trong tỉnh đã phối hợp tổ chức tập huấn tự nguyện, các cơ quan chuyên môn trong tỉnh đã tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho 3.131 lượt cán bộ, công chức, viên chức; 3.218 lượt cho cán bộ UBND các cấp; 7.143 lượt cho đối tượng là tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thuốc BVTV và 101.797 lượt cho nông dân tại các xã, phường trong toàn tỉnh các kiến thức về nhận biết phòng, chống sinh vật gây hại cây trồng, cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả, công tác thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

đ) Thông tin tuyên truyền và chuyển giao tiên bộ kỹ thuật trong lĩnh vực phòng, chống SVGH.

Công tác thông tin tuyên truyền Từ năm 2015 đến nay, tỉnh Lào Cai đã thực hiện 353 tin bài tuyên truyền, 4 phóng sự, 205.505 tờ rơi, 1.600 áp phích, 52 tin, bài, phóng sự truyền hình, 180 bài viết kỹ thuật tuyên truyền về lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật, 10 cuộc hội thảo, tập huấn cho 101.797 lượt người tham dự.

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp và các địa phương đã hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cây trồng thông qua các hình thức như sinh hoạt cộng đồng, xây dựng mô hình trình diễn, hội thảo đầu bờ, tập huấn; xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng SRI, IPM, IPHM gắn với sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm phát thải khí nhà kính; sử dụng các giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp điều kiện địa phương. Đồng thời, kịp thời cung cấp thông tin về diễn biến thời tiết, tình hình phát sinh, phát triển sinh vật gây hại và phổ biến các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong phòng trừ đến người sản xuất.

Các dự án nghiên cứu khoa học về bảo vệ thực vật được thực hiện trên địa bàn tỉnh đã được áp dụng, nhân rộng đạt được kết quả tốt. Kết quả nghiên cứu của các đề tài nghiên cứu sâu bệnh hại trên cây quế, măng tre Bát độ đã tìm ra phương pháp phòng trừ hiệu quả bệnh khô lá vườn uom, bệnh phấn trắng trên cây Quế rừng trồng; Châu chấu tre chày xanh, bệnh thối măng do nấm hại cây tre măng Bát độ. Từ đó áp dụng, mở rộng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất quế, măng tre Bát độ trên địa bàn toàn tỉnh. Người dân trồng quế, măng tre Bát độ,... nắm được và thực hiện đúng theo quy trình khuyến cáo phòng trừ, thực hiện phòng trừ kịp thời, đúng thuốc, đúng lúc, đúng giai đoạn tránh gây lãng phí thuốc, công lao động do đó đã phòng trừ đạt hiệu quả cao, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

2.2. Về kiểm dịch thực vật

a) Kiểm dịch thực vật nội địa:

Tổ chức thực hiện tốt việc điều tra, giám sát sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới tại địa điểm gieo trồng theo thông báo của cơ quan kiểm dịch thực vật cửa khẩu hoặc khai báo của chủ vật thể, cụ thể đã phúc kiểm thủ tục kiểm dịch 112 lô giống cây trồng mới nhập khẩu; Tổ chức kiểm tra 212 lượt kho lưu trữ chế biến nông sản tại các địa phương trong tỉnh với khối lượng trên 600 tấn để thu thập, giám định các loại sâu, mọt, sinh vật hại nông sản;

b) Hoạt động xử lý vật thể kiểm dịch thực vật:

Đã tổ chức hoạt động xử lý vật thể kiểm dịch thực vật được 212 lượt kho lưu trữ chế biến nông sản tại các địa phương trong tỉnh; hướng dẫn giám sát chặt chẽ các tổ chức cá nhân thực hiện các hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

2.3. Về quản lý thuốc bảo vệ thực vật

a) Hoạt động sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Với diện tích sản xuất nông nghiệp hiện nay, toàn tỉnh đang có nhu cầu sử dụng lượng thuốc bảo vệ thực vật khoảng 260 tấn, trong đó thuốc bảo vệ thực vật sinh học 52 tấn (20%), thuốc thuốc bảo vệ thực vật hoá học 208 tấn (80%). Toàn tỉnh đang 01 công ty cổ phần BMC Yên Bái sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, với công suất 2.000 tấn/năm (chủ yếu gia công, sang chai đóng gói); 753 cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn toàn tỉnh với 268 tên thương phẩm thuốc BVTV lưu thông trên thị trường (trên 90% sản phẩm được cung ứng bởi các đơn vị sản xuất ngoài tỉnh); trên 300 cơ sở sản xuất, buôn bán giống cây trồng nông nghiệp, phân bố rải rác tại các xã phường trên địa bàn.

b) Hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu thuốc bảo vệ thực vật:

Sau khi các TTHC cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật được phân cấp từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường về UBND cấp tỉnh thực hiện. Căn cứ các quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Lào Cai đã ban hành danh mục và quy trình thực hiện các bộ TTHC có liên quan. Từ tháng 7 năm 2025 đến nay, chưa phát sinh bộ TTHC.

c) Hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật:

Đến thời điểm hiện tại, chưa có tổ chức, cá nhân xin cấp phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh

d) Hoạt động sử dụng, quảng cáo, vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật:

Từ năm 2015 đến nay, đã cấp trên 32 giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh. Các nội dung quảng cáo thuốc BVTV đều được cơ quan chuyên môn giám sát, quản lý, các nội dung quảng cáo của các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng thuốc BVTV đúng chất lượng như công bố trên bao bì sản phẩm, đảm bảo an toàn, đúng theo tiêu chuẩn pháp luật quy định. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, bảo đảm an toàn thực phẩm và môi trường, các ngành chức năng của tỉnh đã phối hợp với địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn tới cộng đồng, người dân, các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật các quy định của pháp luật về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Khuyến cáo người dân không sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng, thuốc ngoài danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng đúng liều lượng đảm bảo an toàn và các quy định khác của pháp luật trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức quảng cáo, vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định. Tổng lượng thuốc bảo vệ sử dụng trung bình trên năm khoảng 260 tấn.

đ) Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn về thuốc bảo vệ thực vật:

Đã tổ chức tập huấn cho 78.952 lượt cán bộ và nhân dân các kiến thức về thuốc bảo vệ thực vật và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả; phối hợp với các địa phương, tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và các hợp tác xã, tổ hợp tác trong tỉnh tổ chức 50 lớp bồi dưỡng, tập huấn về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, quy định mới có trên 7.462 lượt người tham gia; đã tổ chức bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật và cấp 850 giấy chứng nhận cho học viên là các hộ buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

e) Hoạt động thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Đến hết tháng 6 năm 2025, tổng khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng của địa phương trong tỉnh bàn giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản) để tiêu hủy, tổng khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng là 73.170 kg. Toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng 8.382 bể chứa bể thu gom bao gói thuốc BVTV. Hàng năm, cơ quan chuyên môn phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, phát động các phong trào thu gom, xử lý vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được duy trì thường xuyên, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và đúng quy định.. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được duy trì thường xuyên, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và đúng quy định.

g) Hoạt động thu hồi, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật:

Hàng năm, các cơ quan chuyên môn Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan có liên quan như Công an tỉnh; Cục Quản lý thị trường; chính quyền địa phương, Đoàn biên phòng để kiểm tra kiểm soát về việc kinh doanh buôn bán vật tư nông nghiệp, đặc biệt là thuốc BVTV tại các chợ phiên, khu vực biên giới, qua kiểm tra các lỗi vi phạm chủ yếu buôn bán thuốc BVTV ngoài danh mục, thuốc cấm sử dụng, một số cơ sở bị xử lý về các lỗi không duy trì các điều kiện kinh doanh mặt hàng thuốc BVTV theo quy định của pháp luật. Tổng khối lượng thuốc bảo vệ thực vật thu giữ và tiêu hủy là 11.298 kg.

h) Các hoạt động khác trong lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật

Thực hiện các chương trình kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật và giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên nông sản, tại một số vùng sản xuất trọng điểm; qua đó đánh giá mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn môi trường sinh thái và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp trong sản xuất trồng trọt. Hàng năm, tỉnh Lào Cai tổ chức lấy mẫu và phân tích chất lượng đối với 100-120 mẫu sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật lưu thông trên địa bàn tỉnh; thực hiện giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản đối với 50-70 mẫu nông sản chủ lực tiềm năng của tỉnh như chè, cây ăn quả, rau...

Triển khai các nội dung liên quan đến tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ và thuốc bảo vệ thực vật sinh học được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 5190/QĐ-BNN-BVTV ngày 07/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 4324/QĐ-BNN-BVTV năm 2022 về Kế hoạch hành động tăng cường sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ giai đoạn 2022-2025; đồng thời gắn với Quyết định số 3592/QĐ-BNN-BVTV ngày 23/9/2022 về Kế hoạch hành động thúc đẩy ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) giai đoạn 2022-2030; Quyết định 5415/QĐ-BNN-BVTV năm 2023 phê duyệt Đề án tăng cường sản xuất, sử dụng thuốc BVTV

sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050³. Các văn bản này là căn cứ quan trọng để địa phương lồng ghép triển khai trong các chương trình sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn, bền vững, thân thiện môi trường.

i) Trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn chuyên ngành chủ trì phối hợp với các cơ quan và lực lượng chức năng liên quan (Sở Nông nghiệp và Môi trường, quản lý thị trường, thanh tra tỉnh, Công an tỉnh... triển khai thực hiện công tác quản lý thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

Về công tác quản lý: Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo cơ quan chuyên ngành xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh buôn bán của các tổ chức cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn; UBND cấp xã, phường phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc BVTV đúng quy định; Tổ chức thu gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng; thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong buôn bán, sử dụng, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật và xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền. Bên cạnh đó giao trách nhiệm cho các lực lượng chức năng (công an, quản lý thị trường, ban quản lý chợ...) tăng cường xử lý nghiêm các trường hợp thâm lậu, nhập lậu thuốc bảo vệ thực vật qua biên giới, việc buôn bán tại các địa điểm không đăng ký kinh doanh điển hình tại các chợ phiên vùng cao, giáp biên

2.4. Phối hợp chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Thời gian qua, mặc dù có sự thay đổi về hệ thống tổ chức, bộ máy và nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo và phòng trừ sinh vật gây hại, song nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, chỉ đạo cấp tỉnh với cơ quan tổ chức thực hiện ở cấp xã, công tác quản lý sinh vật gây hại, bảo vệ an toàn sản xuất vẫn được duy trì ổn định và đạt hiệu quả.

Công tác phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với các lực lượng chức năng như Công an tỉnh, Quản lý thị trường, Bộ đội Biên phòng được triển khai thường xuyên, kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuốc bảo vệ thực vật, nhất là trong kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm trong hoạt động buôn bán. Đồng thời, UBND tỉnh phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, vận động sử dụng và thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Hoạt động thu gom vỏ bao gói được triển khai đồng bộ, có sự tham gia của các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội, đạt hiệu quả rõ rệt, đặc biệt trong hai năm gần đây khi gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

³ UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch số: 112/KH UBND20/2/2024, kế hoạch hành động thúc đẩy thực hiện ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây trồng chủ lực, cây trồng tiềm năng tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2024-2030. UBND tỉnh Lào cai; Công văn 1700/UBND- NLN ngày 09/4/2024 Triển khai Đề án tăng cường sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nhìn chung, công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành và chính quyền địa phương trong quản lý sinh vật gây hại được triển khai tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo dịch hại tại cơ sở trong những năm gần đây (sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) còn một số bất cập: một số xã chưa phân công nhiệm vụ cụ thể; việc điều tra định kỳ, điều tra bổ sung chưa được duy trì thường xuyên; số liệu theo dõi diễn biến sinh vật gây hại chưa đầy đủ, thiếu kịp thời; vẫn còn tình trạng báo cáo chậm hoặc không thực hiện thống kê diện tích nhiễm sinh vật gây hại theo quy định.

2.5. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

a) Ưu điểm:

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013 đã tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ cho công tác quản lý thuốc BVTV, kiểm dịch thực vật và phòng chống sinh vật gây hại; Quy định rõ nguyên tắc quản lý sinh vật gây hại theo hướng phòng là chính, kết hợp biện pháp sinh học, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững; Danh mục thuốc BVTV được quản lý tập trung, có cơ chế đăng ký, khảo nghiệm, kiểm soát chặt chẽ trước khi lưu hành; Phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.

b) Bất cập, hạn chế:

Tại khoản 2, Điều 5; điểm c, khoản 1, điểm c, d, khoản 2, Điều 8 - Luật BV&KDTV quy định liên quan đến Dịch hại, Dịch hại thực vật. Tuy nhiên, không có mục nào giải thích từ ngữ về Dịch hại hay Dịch hại thực vật gây khó khăn cho cán bộ kỹ thuật và người sản xuất trong việc phân biệt giữa Sinh vật gây hại và Dịch hại

c) Nguyên nhân (chủ quan, khách quan)

Nguyên nhân chủ quan: Hệ thống tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực đã thay đổi, hệ thống cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở cấp xã thực hiện nhiệm vụ điều tra định kỳ điều tra bổ sung và theo dõi diễn biến tình hình sinh vật gây hại không được duy trì theo đúng quy định của. Việc phát hiện sinh vật gây hại, thống kê diện tích nhiễm còn chậm và không sát với thực tế đồng ruộng, nguy cơ khi dịch hại bùng phát sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ sản xuất.

Nguyên nhân khách quan: Lào Cai là tỉnh miền núi có đường biên giới với Trung quốc kéo dài 186 km với nhiều cửa khẩu và lối mở nên hoạt động thâm lậu thuốc BVTV vào địa bàn tỉnh tương đối phức tạp chưa kiểm soát hết được. Trình độ dân trí của người dân ở các vùng giáp biên còn hạn chế và không đồng đều, mặc dù thường xuyên được tuyên truyền song ý thức chưa cao, hoạt động mua, bán, sử dụng thuốc BVTV ngoài danh mục còn tiếp diễn.

Số lượng các sản phẩm giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật do đơn vị ngoài tỉnh cung cấp nhiều (trên 70%) nên công tác kiểm soát chất lượng, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn gặp rất nhiều khó khăn. Hiện nay có rất ít các loại thuốc trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam đăng ký phòng trị sinh vật gây hại trên các cây trồng chủ lực, cây trồng tiềm năng của tỉnh Lào Cai (như trên chuối, dứa, mận,

đào, lê, quế...) bên cạnh đó, các loại thuốc của Trung Quốc (nhất là thuốc trừ sâu, trừ cỏ...) thâm lậu lại có giá rẻ hơn, đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng người dân nhập lậu các loại thuốc BVTV về để sử dụng và buôn bán tại các chợ phiên vùng cao gây khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật

Một số quy định giữa hai luật và văn bản hướng dẫn còn chông chéo, chưa thống nhất, đặc biệt trong quản lý vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV); Một số nội dung chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp hiện nay (giống cây cảnh, giống nấm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, chế phẩm sinh học...).

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Việc buôn bán giống cây trồng, phân bón thông qua các nền tảng mạng xã hội, sàn thương mại điện tử,... chưa có những quy định quản lý cụ thể gây khó khăn trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Hiện nay vẫn chưa có Quy chuẩn Quốc gia về cây đầu dòng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm, vẫn phải thực hiện theo TCCS hoặc tiêu chuẩn tự công bố, khó khăn trong công tác cấp quyết định và quản lý cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm.

Theo các nội dung quy định tại Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ đã thực hiện phân định thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (tại chương II - sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2016/NĐ-CP; chương III - sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2019/NĐ-CP; chương IV - sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2019/NĐ-CP; chương VII - sửa đổi, bổ sung Nghị định 79/2023/NĐ-CP).

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện đối với các TTHC lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho thấy có nhiều thủ tục hành chính có nội dung phải thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở; khi triển khai giải quyết thủ tục hành chính đều phải qua 3 cơ quan thực hiện (Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh) việc thực hiện sẽ trải qua nhiều bước, tốn nhiều thời gian đối với các cơ quan tham gia thực hiện và giảm thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế của các bộ phận chuyên môn, trong khi đó việc tổ chức thực hiện, thẩm định, kiểm tra, đánh giá chủ yếu vẫn là các cơ quan chuyên môn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện các Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

a) Kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật

Nguồn lực tài chính còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyên môn như điều tra, dự báo sinh vật gây hại, giám sát chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu và phát triển sản xuất an toàn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ kiểm tra, giám sát và phân tích chất lượng còn thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu từ trung ương đến địa phương đặc biệt trong phân tích đánh giá chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

Điều kiện thực tiễn địa phương như địa bàn rộng, địa hình phức tạp, sản xuất nhỏ lẻ, nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế; Hạ tầng dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc.

b) Tổ chức bộ máy, nhân sự

Tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý còn trong quá trình hoàn thiện sau sắp xếp, sáp nhập; một số nội dung phân cấp từ trung ương về cấp tỉnh và từ cấp tỉnh về cấp xã chưa đi kèm đầy đủ các điều kiện bảo đảm thực hiện đáp ứng ngay như thiếu kinh phí để triển khai nhiệm vụ; công tác hướng dẫn chuyên môn, quy trình nghiệp vụ mặc dù đã được tích cực triển khai nhưng chưa kịp thời cập nhật do có nhiều thay đổi trong văn bản hướng dẫn các quy định có liên quan.

Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ trồng trọt và bảo vệ thực vật, đặc biệt tại cấp cơ sở còn chưa đồng đều về trình độ chuyên môn; nhiều cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, trong khi yêu cầu quản lý ngày càng cao (chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát vật tư nông nghiệp...).

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Hình thức truyền thông tại cơ sở còn đơn điệu, chủ yếu thông qua hội nghị, họp thôn, phát thanh truyền thống; việc áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được triển khai nhưng còn hạn chế nên phạm vi tiếp cận và hiệu quả lan tỏa chưa cao nhất là tại vùng sâu, vùng xa.

Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng còn phụ thuộc vào nguồn kinh phí, chưa được duy trì thường xuyên; nội dung tập huấn ở một số thời điểm chưa kịp thời cập nhật theo yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là các nội dung mới như chuyển đổi số trong nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, quản lý mã số vùng trồng và quy định của thị trường xuất khẩu.

Khả năng tiếp thu và áp dụng của một bộ phận người dân còn hạn chế do trình độ, tập quán sản xuất, dẫn đến việc chuyển hóa kiến thức pháp luật và kỹ thuật vào thực tế sản xuất còn chậm, chưa đồng đều giữa các vùng.

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

Một số quy định của Luật và văn bản hướng dẫn thi hành còn chưa thật sự đồng bộ, hoặc chưa được hướng dẫn cụ thể, kịp thời; đặc biệt trong bối cảnh mới thực hiện phân cấp, phân quyền, nhiều nhiệm vụ giao thẩm quyền về các địa phương thực hiện.

Đặc thù của sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lào Cai với quy mô sản xuất nhỏ, phân tán, vẫn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm truyền thống dẫn đến việc đưa các quy định pháp luật vào thực tiễn cần thời gian dài tiếp cận và áp dụng hiệu quả. Tác động của thị trường và yêu cầu hội nhập ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế đã đặt ra áp lực lớn đối với công tác quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trồng trọt và bảo vệ thực vật. Trong khi đó, năng lực đáp ứng của một bộ phận người sản xuất và hệ thống tổ chức sản xuất còn hạn chế, dẫn đến việc triển khai các quy định pháp luật trong thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn.

Sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ và yêu cầu chuyển đổi số trong nông nghiệp đòi hỏi phương thức quản lý phải được kịp thời đổi mới theo hướng hiện đại, dựa trên hệ thống dữ liệu số và khoa học công nghệ. Tuy nhiên, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ tại địa phương còn chưa đồng bộ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật (Phụ lục 4 kèm theo)

Luật Trồng trọt: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Trồng trọt cho phù hợp với các Luật và quy định hiện hành như sau: Quy định thời hạn công nhận lưu hành giống cây trồng đối với nhóm cây hàng năm, lâu năm cho phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định hiện hành; Quy định cụ thể thời gian tồn tại của giống tại địa phương khi thực hiện đề nghị Công nhận đặc cách giống cây trồng; Quy định chi tiết các nội dung liên quan đến giống cây trồng biên đôi gen; chất điều hoà sinh trưởng và chế phẩm sinh học; quy định về quản lý giống cây cảnh và giống nấm ăn.... nhằm thực hiện tốt công tác quản lý theo quy định.

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật: Đề nghị bổ sung quy định Khái niệm về dịch hại thực vật làm cơ sở cho cơ quan chuyên ngành triển khai các nhiệm vụ có liên quan.

2. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Tiếp tục rà soát, sửa đổi các Nghị định, Thông tư để đồng bộ, thống nhất, tránh mâu thuẫn trong quá trình thực thi nhiệm vụ; cắt giảm các thủ tục hành chính liên quan đến các hoạt động sản xuất, buôn bán giống cây trồng nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hoặc điều chỉnh thẩm quyền giải quyết các TTHC về Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan chuyên ngành trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Hiện nay việc phát triển các cây trồng chủ lực hàng hóa đang ngày càng được chú trọng và mở rộng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam hàng năm ban hành có rất ít loại thuốc đăng ký phòng trừ sinh vật gây hại trên các cây trồng chủ lực của tỉnh Lào Cai (chuối, dứa, quế, dược liệu, lê, mận, đào..) đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét hàng năm bổ sung vào danh mục hoặc có cơ chế cho

nhập khẩu và đăng ký vào danh mục, để công tác chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại tại địa phương được thuận lợi, hiệu quả.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp tổ chức thực hiện Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt và bảo vệ thực vật; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các địa phương phục vụ công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng, kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp; sớm hoàn thiện các quy định có liên quan đến giảm khí phát thải trong sản xuất trồng trọt để các địa phương có căn cứ triển khai.

4. Đề xuất, kiến nghị khác:

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan (Luật Sở hữu trí tuệ), khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất trong thực tiễn triển khai.

Trên đây là kết quả thi hành Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NLN(Minh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Bá

PHỤ LỤC 1**Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

1. Đối tượng phổ biến, tuyên truyền

Đơn vị: Người

Năm	Cán bộ, công chức, viên chức	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan	Viện nghiên cứu, Trường, các trung tâm	Ghi chú
2015	572	20.705	-	
2016	316	33.928	-	
2017	401	18.086	-	
2018	262	8.331	-	
2019	184	5.298	-	
2020	455	5.378	-	
2021	356	4.709	-	
2022	353	5.049	-	
2023	332	6.556	-	
2024	350	300	-	
2025	0	600	-	
Tổng cộng	3.584	108.940		

2. Hình thức thông tin, phổ biến, tuyên truyền

STT	Hình thức	Số lượng		Đối tượng thụ hưởng
		Luật trồng trọt	Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật	
1	Sách báo	70	-	Viên chức, hợp tác xã, nông dân
2	Bản tin pháp luật	-	353	Người kinh doanh thuốc BVTV, nông dân
3	Băng, đĩa hình	150		Nông dân
4	Hội nghị, hội thảo	109	10	Công chức, viên chức, nông dân
5	Hội thi	-		
6	Tập huấn	585	109.122	Công chức, viên chức, người kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông dân
7	Các hình thức khác (nói chuyện, sổ tay, tài liệu bản giấy hoặc bản điện tử, ...)		1.600 sổ tay; 1.600 áp phích, 52 tin, bài, phóng sự truyền hình, 180 bài viết kỹ thuật tuyên	Cán bộ, Nông dân

			truyền về lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
--	--	--	---	--

PHỤ LỤC 2
Danh mục một số văn bản chỉ đạo, tổ chức thi
hành pháp luật về hoạt động trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Loại văn bản	Số hiệu	Trích yếu	Ngày ký	Cơ quan ban hành
I	Văn bản do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh ban hành				
1	Tỉnh uỷ				
	Đề án	Số 01-ĐA/TU	Đề án phát triển Nông lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	01/12/2020	Tỉnh uỷ
	Chương trình	Số 345-CTr/TU	Chương trình hành động triển khai, thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030	03/9/2020	Tỉnh uỷ
	Nghị quyết	Số 10-NQ/TU	Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	26/8/2021	Tỉnh uỷ
	Nghị quyết	Số 48-NQ/TU	Phát triển Dược liệu chiến lược tỉnh Lào Cai giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	03/02/2026	Tỉnh uỷ
2	Hội đồng nhân dân				
	Nghị quyết	13/2020/NQ-HĐND	Ban hành một số chính sách đặc thù hỗ trợ sản xuất nông nghiệp năm 2020 để ứng phó với dịch bệnh Covid-19	26/4/2020	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	21/2020/NQ-HĐND	Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại	04/12/2020	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	26/2020/NQ-HĐND	Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai;	04/12/2020	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	33/2021/NQ-HĐND	Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Quy định kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai	08/12/2020	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	15/2022/NQ-HĐND	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai	18/10/2022	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	06/2022/NQ-HĐND	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương	30/3/2022	HĐND tỉnh

			thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025		
	Nghị quyết	51/2022/NQ-HĐND	Quy định nội dung, mức hỗ trợ một số nội dung chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Yên Bái	09/12/2022	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	52/2022/NQ-HĐND	Quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái	09/12/2022	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	32/2023/NQ-HĐND	Ban hành Quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án dự án dự thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.	08/7/2023	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	58/2023/NQ-HĐND	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 tỉnh Yên Bái	08/12/2023	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	63/2023/NQ-HĐND	Quy định một số nội dung chi và mức chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái	08/12/2023	HĐND tỉnh
	Nghị quyết	21/2023/NQ-HĐND	Nghị quyết Ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát	15/12/2025	HĐND tỉnh

			triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030.		
3	Ủy ban nhân dân tỉnh				
	Quyết định	2555/QĐ-UBND	Kế hoạch thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển để xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh	05/10/2017	UBND tỉnh
	Quyết định	746/QĐ-UBND	Phê duyệt dự án sản xuất lúa thuần chất lượng cao áp dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến SRI	12/3/2018	UBND tỉnh
	Quyết định	345/QĐ-UBND	QĐ V/v phê duyệt 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt áp dụng tại UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai	13/02/2020	UBND tỉnh
	Quyết định	Số 346/QĐ-UBND	QĐ V/v công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai	14/2/2020	UBND tỉnh
	Quyết định	Số 385/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai	17/02/2020	UBND tỉnh
	Quyết định	3195/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái 5 năm 2021 - 2025	16/12/2020	UBND tỉnh
	Quyết định	1594/QĐ-UBND	Phê duyệt đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025	29/7/2021	UBND tỉnh
	Quyết định	408/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Yên Bái năm 2020	04/3/2020	UBND tỉnh
	Quyết định	727/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái (đợt 1) năm 2021	28/4/2021	UBND tỉnh
	Quyết định	1605/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái (đợt 2) năm 2021	30/7/2021	UBND tỉnh
	Quyết định	1045/QĐ-UBND	Phê duyệt đề án phát triển mạng lưới chế biến nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025	01/4/2021	UBND tỉnh

	Quyết định	1093/QĐ-UBND	Phê duyệt Đề án Phát triển dược liệu tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	05/4/2021	UBND tỉnh
	Quyết định	493/QĐ-UBND	Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái (đợt 1) năm 2022	31/3/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	Số 1642/QĐ-UBND	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2022	28/7/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	1388/QĐ-UBND	Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái (đợt 2) năm 2022	16/8/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	2278/QĐ-UBND	Công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực BVTV thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở NN và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	9/10/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	2279/QĐ-UBND	Phê duyệt 02 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực BVTV thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở NN và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	9/10/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	2713/QĐ-UBND	Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với một số loại cây trồng, áp dụng cho dự án/kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	11/11/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	2233/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái năm 2022	15/11/2022	UBND tỉnh
	Quyết định	Số 191/QĐ-UBND	Về việc công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai	30/1/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	Số 192/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt 02 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai	30/1/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	455/QĐ-UBND	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Lào Cai năm 2023	03/3/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	296/QĐ-UBND	Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái	09/3/2023	UBND tỉnh

			(đợt 1) năm 2023		
	Quyết định	Số 1090/QĐ-UBND	Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11/5/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	1605/QĐ-UBND	Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	30/6/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	1528/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái (đợt 2) năm 2023	24/8/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	2277/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái năm 2023	30/11/2023	UBND tỉnh
	Quyết định	103/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn tỉnh Yên Bái (đợt 1) năm 2024	18/01/2024	UBND tỉnh
	Quyết định	367/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2024	27/02/2024	UBND tỉnh
	Quyết định	943 /QĐ-UBND	Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	28/8/2025	UBND tỉnh
	Quyết định	1667 /QĐ-UBND	Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	26/5/2025	UBND tỉnh
	Quyết định	649 /QĐ-UBND	Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	31/7/2025	UBND tỉnh
	Quyết định	2737 /QĐ-UBND	Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, thú y, thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	31/12/2025	UBND tỉnh
	Quyết định	18 /QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2026	05/01/2026	UBND tỉnh
	Quyết định	166/QĐ-UBND	Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ	23/01/2026	UBND tỉnh

			tục hành bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai		
	Quyết định	13/2026/QĐ-UBND	Ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai	30/01/2026	UBND tỉnh
	Quyết định	352 /QĐ-UBND	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	05/02/2026	UBND tỉnh
	Quyết định	705 /QĐ-UBND	Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	18/03/2026	UBND tỉnh
	Quyết định	667 /QĐ-UBND	Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	13/3/2026	UBND tỉnh
	Quyết định	781 /QĐ-UBND	Phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026 - 2030	24/3/2026	UBND tỉnh
	Quyết định	61 /QĐ-UBND	Về việc phê duyệt đơn giá gạo trung bình làm căn cứ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quý I/2026)	09/01/2026	UBND tỉnh
	Chỉ thị	11/CT-UBND	Về việc tăng cường quản lý hoạt động buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh	20/5/2021	UBND tỉnh
	Chỉ thị	11/ CT-UBND	Chỉ thị về việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ các ngành hàng chủ lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025	28/7/2022	UBND tỉnh
	Chỉ thị	14/CT-UBND	Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý giống cây trồng nông lâm nghiệp, giống cây dược liệu, giống cây cảnh và giống nấm ăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai	21/9/2022	UBND tỉnh
	Chỉ thị	6/CT-UBND	Về việc tăng cường quản lý hoạt động sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10/4/2026	UBND tỉnh

	Kế hoạch	322/KH-UBND	Kế hoạch Ứng phó, phòng chống bệnh lùn sọc đen phương Nam hại lúa xuân năm 2018 và các vụ tiếp theo trên địa bàn tỉnh Lào Cai”.	13/12/2017	UBND tỉnh
	Kế hoạch	220/KH-UBND	KH phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	11/5/2021	UBND tỉnh
	Kế hoạch	247/KH-UBND	Kế hoạch Bảo tồn và phát triển giống Nông nghiệp đặc sản có giá trị kinh tế cao vùng Tây Bắc tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 (ĐA01)	27/5/2021	UBND tỉnh
	Kế hoạch	289/KH-UBND	KH Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 - 2025	06/7/2021	UBND tỉnh
	Kế hoạch	218/KH-UBND	Phát triển sản xuất dược liệu gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025	13/6/2022	UBND tỉnh
	Kế hoạch	252/KH-UBND	Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Yên Bái năm 2021	18/11/2021	UBND tỉnh
	Kế hoạch	73/KH-UBND	Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	29/3/2022	UBND tỉnh
	Kế hoạch	116/KH-UBND	Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Yên Bái năm 2022	25/5/2022	UBND tỉnh
	Kế hoạch	47/KH-UBND	Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Yên Bái năm 2023	21/02/2023	UBND tỉnh
	Kế hoạch	46/KH-UBND	Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Yên Bái năm 2024	20/02/2024	UBND tỉnh
	Kế hoạch	205/KH-UBND	Kế hoạch triển khai Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” trên địa bàn tỉnh Lào Cai	26/12/2025	UBND tỉnh
	Kế hoạch	117/KH-UBND	Thực hiện Đề án triển khai, áp dụng v quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030	08/10/2025	UBND tỉnh
	Công văn	1818/UBND-NLN	Chỉ đạo phòng trừ rầy hại lúa xuân 2015	7/5/2015	UBND tỉnh
	Công văn	2958/UBND-NLN	Tăng cường công tác quản lý bảo vệ thực vật trong sản xuất rau chè an toàn	13/7/2015	UBND tỉnh
	Công văn	3552/UBND-NLN	Tăng cường chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại lúa mùa 2015	17/8/2015	UBND tỉnh

	Công văn	4352/UB-NLN	Tăng cường chỉ đạo phòng trừ sâu cuốn lá hại lúa	08/9/2016	UBND tỉnh
	Công văn	534/UBND-NLN	V/v không sử dụng thuốc trừ cỏ trên hành lang đường bộ	15/02/2017	UBND tỉnh
	Công văn	2206/UBND-NLN	Tập trung chỉ đạo phòng trừ bệnh đạo ôn hại lúa xuân	17/5/2017	UBND tỉnh
	Công văn	3833/UBND-NLN	Chỉ đạo phòng trừ bệnh đạo ôn cổ bông trên lúa mùa vùng cao	15/8/2017	UBND tỉnh
	Công văn	5945/UBND -NLN	Hướng dẫn thu gom xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	12/12/2017	UBND tỉnh
	Công văn	4213/UBND-NLN	V/v ngăn chặn triệt để tình trạng sử dụng thuốc trừ cỏ trên hành lang đường bộ	10/9/2018	UBND tỉnh
	Công văn	1666/UBND-NLN	Chủ động phòng trừ bệnh đạo ôn hại lúa xuân 2019	22/4/2019	UBND tỉnh
	Công văn	3737/UBND-NN	V/v Tổ chức phòng trừ bệnh khảm lá sắn	14/8/2020	UBND tỉnh
	Công văn	1060/UBND-NLN	Triển khai thực hiện chỉ thị số 2380/CT-BNN-BVTV của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17/4/2020	UBND tỉnh
	Công văn	2679/UBND-NLN	Tăng cường công tác giám sát, quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu	07/9/2020	UBND tỉnh
	Công văn	1260/UBND-NLN	Xuất khẩu nông sản qua biên giới	28/5/2021	UBND tỉnh
	Công văn	1562/UBND-NLN	V/v tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu	18/4/2022	UBND tỉnh
	Công văn	2232/UBND-NLN	Khẩn trương chỉ đạo phòng ngừa bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa xuân 2022	24/5/2022	UBND tỉnh
	Công văn	4496/UBND-NLN	V/v giao nhiệm vụ cấp, quản lý mã số vùng trồng.	27/9/2022	UBND tỉnh
	Công văn	1675/UBND-NLN	Về việc lập phương án sử dụng tầng đất mặt khi thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để thực hiện xây dựng công trình, dự án	05/6/2023	UBND tỉnh
	Công văn	337/UBND-NLN	Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	29/01/2024	UBND tỉnh
	Công văn	2767 /UBND-NLN	triển khai thực hiện các Quyết định, Thông báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	6/10/2025	UBND tỉnh
	Công văn	4259/UBND-NLN	tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.	26/11/2025	UBND tỉnh
	Công văn	4037/UBND-NLN	Phương án hỗ trợ, khắc phục thiệt hại, ổn định đời sống, phục hồi	17/11/2025	UBND tỉnh

			kinh tế nông nghiệp sau ảnh hưởng của cơn bão số 10 (Bualoi)		
	Công văn	3185/UBND-NLN	tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư ban hành Danh mục thuốc BVTV	21/10/2025	UBND tỉnh
	Công văn	1648/UBND-NLN	Tổng kết thi hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật	27/08/2025	UBND tỉnh
	Công văn	3681/UBND-NLN	triển khai thực hiện Nghị định Quy định chi tiết về đất trồng lúa	05/11/2025	UBND tỉnh
	Công văn	3484/UBND-NLN	triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2025-2026 và cả năm 2026	30/10/2025	UBND tỉnh
	Công văn	4035/UBND-NLN	chủ động ứng phó với rét đậm, rét hại trên địa bàn tỉnh Lào Cai	18/11/2025	UBND tỉnh
	Công văn	4055/UBND-NLN	tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và BVTV của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	18/11/2025	UBND tỉnh
	Công văn	5332/UBND-NLN	tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật	26/12/2025	UBND tỉnh
	Công văn	994/UBND-NLN	tham mưu thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển dược liệu chiến lược tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050	09/02/2026	UBND tỉnh
	Công văn	1020/UBND-NLN	tham mưu thực hiện Nghị định số 38/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	09/02/2026	UBND tỉnh
	Công văn	2404/UBND-NLN	triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè trên địa bàn tỉnh	01/04/2026	UBND tỉnh
	Công văn	2657/UBND-NLN	tham mưu, xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh (chính sách phát triển dược liệu)	10/04/2026	UBND tỉnh
	Kết luận	336/TB-VPUBND	Kết luận của Đ/c Nguyễn Hữu Thê về giải pháp quản lý thuốc trừ cỏ trong SX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	29/8/2018	UBND tỉnh
	Kết luận	336/TB-VPUBND	Kết luận của Đ/c Nguyễn Hữu Thê về giải pháp quản lý thuốc trừ cỏ trong SX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	29/8/2018	UBND tỉnh
	Công điện	08/CĐ-UBND	Tăng cường chỉ đạo các biện pháp phòng chống bệnh lùn sọc đen phương nam hại lúa	27/8/2018	UBND tỉnh
II	Văn bản do Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Nông nghiệp và PTNT)				
	Quyết định	191/QĐ-SNN	Về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2016	14/12/2015	Sở NN&PTNT
	Quyết định	48/QĐ-SNN	Về việc thanh tra đột xuất đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động	22/4/2016	Sở NN&PTNT

			sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh		
	Quyết định	140/QĐ-SNN	Về việc thành lập hội đồng bình tuyển cây đầu dòng giống cam sành tại Khánh Hòa, huyện Lục Yên	17/10/2016	Sở NN & PTNT
	Quyết định	153/QĐ-SNN	Về việc thành lập tổ thẩm định vườn cây đầu dòng Quýt sen và giống bưởi Đại minh tại Thị trấn Yên Bình	03/11/2016	Sở NN & PTNT
	Quyết định	155/QĐ-SNN	Về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019	14/12/2018	Sở NN & PTNT
	Quyết định	Số 60/QĐ-SNN	QĐ ban hành Quy trình kỹ thuật tạm thời đối với cây Dầu tằm, cây Chanh leo, cây Hoàng sin cô, cây Sả Java trên địa bàn tỉnh Lào Cai	24/3/2020	Sở NN&PTNT
	Quyết định	Số 73/QĐ-SNN	QĐ ban hành quy trình kỹ thuật tạm thời trồng và chăm sóc cây hoa địa lan trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14/4/2020	Sở NN&PTNT
	Quyết định	Số 90/QĐ-SNN	QĐ ban hành tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật một số cây, con giống thực hiện các chương trình, đề án, dự án, mô hình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	27/4/2020	Sở NN&PTNT
	Quyết định	Số 175/QĐ-SNN	QĐ Về việc điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật một số giống cây trồng thực hiện các chương trình, đề án, dự án, mô hình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	26/8/2020	Sở NN&PTNT
	Quyết định	605/QĐ-SNN	Về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021	14/12/2020	Sở NN & PTNT
	Quyết định	282/QĐ-SNN	Về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022	08/12/2021	Sở NN & PTNT
	Quyết định	349/QĐ-SNN	Về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023	09/12/2022	Sở NN & PTNT
	Quyết định	247/QĐ-SNN	Về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, năm 2024	28/12/2023	Sở NN & PTNT
	Kế hoạch	15/KH-SNN-QLCL	Về việc triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2018	09/4/2018	Sở NN & PTNT
	Kế hoạch	01/KH-SNN	Kế hoạch diệt chuột bảo vệ sản xuất năm 2015	06/01/2015	Sở NN&PTNT
	Kế hoạch	29/KH-SNN-QLCL	Về việc triển khai “ Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2020	16/4/2020	Sở NN & PTNT
	Công văn	Số: 136/SNN-BVTV	Triển khai thực hiện Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	27/1/2015	Sở NN&PTNT
	Công văn	644/SNN – BVTV	Về việc tập trung theo dõi và chỉ đạo phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ hại lúa vụ mùa năm 2016	08/8/2016	Sở NN & PTNT
	Công văn	1131/SNN-TT&BVTV	Về việc tăng cường công tác phòng chống chuột, bảo vệ mùa màng	16/10/2016	Sở NN & PTNT
	Công văn	1082/SNN-BVTV	Về việc Phòng trừ sâu ăn lá trên cây quế	01/12/2016	Sở NN & PTNT
	Công văn	318/SNNPTNT-QLCL	Về việc triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2017	05/4/2017	Sở NN & PTNT
	Công văn	1130/SNN-NVCN	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày	13/10/2017	Sở NN & PTNT

			20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón		
	Công văn	302/SNN-BVTV	Về việc tập trung theo dõi và chỉ đạo phòng trừ sâu ăn lá và các đối tượng dịch hại khác hại quế	29/3/2018	Sở NN & PTNT
	Công văn	376/SNN-BVTV	Về việc Phòng chống bệnh đạo ôn gây hại trên cây lúa	12/4/2018	Sở NN & PTNT
	Công văn	808/SNN-BVTV	Về việc tập trung theo dõi và chỉ đạo phòng trừ bệnh vàng lá thối rễ hại cam	20/6/2018	Sở NN & PTNT
	Công văn	985/SNN-TTBVTV	Về việc phòng trừ sâu đo ăn lá và các đối tượng dịch hại cây dâu	18/7/2018	Sở NN & PTNT
	Công văn	1200/SNN-BVTV	Về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn	15/8/2018	Sở NN & PTNT
	Công văn	1350/SNN-TTBVTV	Về việc phòng trừ rầy nâu, RLT trên lúa	13/9/2018	Sở NN & PTNT
	Công văn	319 /SNN- BVTV	Tăng cường điều tra và theo dõi loài sâu keo mùa Thu	7/3/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	720/SNN-BVTV	Phòng chống sâu keo mùa thu	6/4/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	977/SNN-BVTV	Tăng cường chỉ đạo phòng, chống sâu keo mùa thu trên cây ngô Hè Thu 2019	12/6/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	1025/SNN-BVTV	Chủ động phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa	2/7/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	1933/SNN-BVTV	Đôn đốc thực hiện công tác điều tra phát hiện sâu bệnh hại cây trồng	29/10/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	2522/SNN-BVTV	Tăng cường công tác chỉ đạo, phòng trừ chuột hại trong sản xuất nông nghiệp năm 2020	27/12/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	2523/SNN-BVTV	Tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn	27/12/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	2522/SNN-TTBVTV	Tăng cường công tác chỉ đạo, phòng trừ chuột hại trong sản xuất nông nghiệp năm 2020	27/12/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	2523/SNN-TTBVTV	Tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn	27/12/2019	Sở NN & PTNT
	Công văn	42/SNN-TTBVTV	Sử dụng tạm thời thuốc phòng trừ sâu keo mùa thu hại ngô	10/01/2020	Sở NN & PTNT
	Công văn	614/SNN-TTBVTV	Tăng cường chỉ đạo phòng trừ dịch hại cây trồng vụ đông xuân 2019 - 2020	22/4/2020	Sở NN & PTNT
	Công văn	193/SNN-TTBVTV	Báo cáo tình hình sản xuất, chế biến kinh doanh chè và thực hiện phát triển chè theo NQ số 69/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.	14/2/2022	Sở NN&PTNT
	Công văn	384/SNN-TTBVTV	Hướng dẫn Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có nguồn gốc thực vật thực hiện việc đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc	17/3/2022	Sở NN&PTNT
	Công văn	537/SNN-TTBVTV	Cung cấp số liệu thống kê tình hình phát triển cây cao su tỉnh Yên Bái.	07/4/2022	Sở NN&PTNT

	Công văn	797/SNN-TTBVTV	Xây dựng kế hoạch cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	18/5/2022	Sở NN&PTNT
	Công văn	31/TB-SNN	TB cơ cấu giống cây trồng nông nghiệp cho sản xuất vụ Hè thu năm 2022	25/5/2022	Sở NN&PTNT
	Công văn	977/SNN-TTBVTV	Tham gia góp ý vào dự thảo Thông tư ban hành danh mục dược liệu thuộc danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, đặc hữu phải kiểm soát.	13/6/2022	Sở NN&PTNT
	Công văn	1836/SNN-TTBVTV	Báo cáo sơ bộ kết quả sản xuất vụ Hè thu năm 2022; kế hoạch triển khai sản xuất vụ Đông năm 2022.	31/8/2022	Sở NN&PTNT
	Công văn	50/SNN-TTBVTV	Về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng"	11/1/2023	Sở NN&PTNT
	Công văn	Số 1869/SNN-TTBVTV	Về việc đề nghị hỗ trợ địa phương nghiên cứu biện pháp phòng chống bệnh hại cây quế tại địa bàn tỉnh YB"	25/9/2023	Sở NN&PTNT
	Công văn	Số 1893/SNN-TTBVTV	Về việc tham gia ý kiến dự thảo Đề án Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp đến năm 2030"	26/9/2023	Sở NN&PTNT
	Công văn	2351/SNN-TTBVTV	Về việc phối hợp triển khai các mô hình khảo nghiệm, trình diễn do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia thực hiện	16/11/2023	Sở NN&PTNT
	Công văn	441/SNN-TTBVTV	Về việc xin ý kiến tham gia đối với Dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 02/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ	13/3/2024	Sở NN&PTNT
	Công văn	585/SNN-TTBVTV	Về việc tổng kết, đánh giá thi hành Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	05/4/2024	Sở NN&PTNT
	Công văn	2369/SNNMT-TTBVTV	Hướng dẫn khắc phục thiệt hại sản xuất nông nghiệp do cơn bão số 10 - Bualoi	30/09/2025	Sở NN&MT
	Công văn	2263/SNNMT-TTBVTV&VNTYTS	Về việc tăng cường công tác cấp, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói	26/09/2025	Sở NN&MT
	Công văn	1226/SNNMT-TTBVTV&CNTYTS	Tổ chức sản xuất, hướng dẫn thời vụ, cơ cấu giống cây trồng vụ Đông năm 2025	22/08/2025	Sở NN&MT
	Công văn	1900/SNNMT-TTBVTV&CNTYTS	triển khai Thông tư số 40/VBHN -BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.	16/9/2025	Sở NN&MT
	Công văn	3429/SNNMT-TTBVTV&CNTYTS	Về việc quản lý việc tự phát trồng cây cà phê tại một số xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4/11/2025	Sở NN&MT

	Công văn	1231/SNNMT-TTBVTVCNTYTS	V/v rà soát, bổ sung danh mục giống được liệu địa phương được phép sản xuất,	26/02/2026	Sở NN&MT
	Công văn	2071/SNNMT-TTBVTVCNTYTS	Hướng dẫn lịch thời vụ và cơ cấu giống cây trồng vụ hè thu năm 2026	24/3/2026	Sở NN&MT
	Công văn	2741/SNNMT-TTBVTVCNTYTS	Tăng cường chỉ đạo sản xuất, phòng trừ sinh vật hại cây trồng vụ Xuân 2026	9/4/2026	Sở NN&MT
	Thông báo	59/TB-SNN	TB cơ cấu giống cây trồng Nông nghiệp cho SX vụ Đông xuân 2016-2017	9/12/2016	Sở NN & PTNT
	Hướng dẫn liên ngành	02/HDLN-STNMTSNNPTNT	Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	28/8/2017	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT

PHỤ LỤC 3

Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Năm	Thanh tra, kiểm tra về quản lý giống cây trồng			Thanh tra, kiểm tra về sử dụng và bảo vệ tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước			Thanh tra, kiểm tra sử dụng thuốc bảo vệ thực vật			Thanh tra, kiểm tra về quản lý thuốc bảo vệ thực vật			Thanh tra, kiểm tra về kiểm dịch thực vật			Thanh tra, kiểm tra các hoạt động khác trong phạm vi quản lý.....			Xử lý vi phạm			Chuyên cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự
	Số cơ sở kiểm tra (cơ sở)	Số vụ vi phạm (vụ)	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở kiểm tra (cơ sở)	Số vụ vi phạm (vụ)	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở kiểm tra (cơ sở)	Số vụ vi phạm (vụ)	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở kiểm tra (cơ sở)	Số vụ vi phạm (vụ)	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở kiểm tra (cơ sở)	Số vụ vi phạm (vụ)	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở kiểm tra (cơ sở)	Số vụ vi phạm (vụ)	Tỷ lệ (%)	Phạt cảnh cáo (vụ)	Phạt tiền (vụ)	Số tiền phạt (Triệu đồng)	
2015							1.036	154	14,9	729	34	3,13	129	7	5,4				0	18	23	0

2016						337	63	18,7	512	21	1,8	148	0	0				0	19	37,5	0
2017						403	70	17,4	370	25	9,04	97	0	0				0	21	88	0
2018						138	27	19,6	333	6	1,85	64	0	0				0	6	8	0
2019						61	4	6,6	244	14	1,58	133	0	0				0	5	15,5	0
2020	0					37	6	16,7	177	17	27,77	144	0	0				0	13	51	0
2021	19					21	3	14,3	201	14	5,88	126	0	0				0	12	44,5	0
2022	38					37	5	13,5	309	21	4,05	140	0	0				0	18	119,5	0
2023	89					23	3	13	341	21	2,46	153	0	0				0	20	103,4	01
2024	16					2	0	0	63	1	0	50	0	0				0	1	1,5	0
2025	0					0			62	0	0							0	0	0	0
Tổng số	162					2.095	335	16	3.341	174	5,2	1.184	7	0,6				0	133	491,9	01

PHỤ LỤC 4

Các nội dung quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, vướng mắc trong thực tiễn cần được sửa đổi, bổ sung trong Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Tên văn bản/nội dung	Quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, vướng mắc trong thực tiễn (Nêu rõ điều, khoản, điểm)	Thuyết minh	Đề xuất hướng xử lý (Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới)	Ghi chú
I	Các nội dung có mâu thuẫn, chồng chéo trong Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật				
1	Luật BV&KDTV	Tại khoản 2, Điều 5; điểm c, khoản 1, điểm c, d, khoản 2, Điều 8 - Luật BV&KDTV quy định liên quan đến Dịch hại, Dịch hại thực vật.	Không có mục nào giải thích từ ngữ về Dịch hại hay Dịch hại thực vật gây khó khăn cho cán bộ kỹ thuật và nhân dân trong việc phân biệt giữa Sinh vật gây hại và Dịch hại	Đề nghị bổ sung quy định Khái niệm về dịch hại thực vật	
2	Luật Trồng trọt	Tại điểm a, khoản 1, Điều 16, Luật Trồng trọt: “Công nhận đặc cách được luật quy định là những giống đặc sản, bản địa và những giống tồn tại lâu dài ngoài sản xuất, được địa phương đề nghị”.	Chưa có văn bản nào quy định thời gian tồn tại bao nhiêu lâu để các địa phương căn cứ đề nghị công nhận đặc cách.	Đề nghị bổ sung quy định tại Luật hoặc Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Trồng trọt	
II	Các quy định pháp luật chuyên ngành khác có mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật				
	Luật Trồng trọt	Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2018, - Bảo hộ giống cây trồng quy định	Như vậy sẽ xảy ra trường hợp nhiều giống còn thời gian bảo hộ nhưng doanh	Đề nghị thống nhất quy định giữa Luật Sở hữu trí tuệ và Luật trồng trọt.	

		thời gian được bảo hộ với giống cây hàng năm là 20 năm và cây thân gỗ là 25 năm. Tuy nhiên, tại khoản 2, điều 15 của Luật Trồng trọt: Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hàng năm có thời hạn là 10 năm, giống cây trồng lâu năm có thời hạn là 20 năm và được gia hạn.	ng nghiệp vẫn phải thực hiện công nhận lại gây tổn kém, lãng phí nguồn lực xã hội và doanh nghiệp.		
III	Những nội dung chưa có quy định, cần được bổ sung trong Luật Trồng trọt và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật				
	Luật Trồng trọt	Các giống cây trồng biến đổi gen, chất điều hoà sinh trưởng và chế phẩm sinh học là các vật tư nông nghiệp đặc thù trong sản xuất nông nghiệp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành.	Tuy nhiên, sản phẩm cây trồng biến đổi gen, chất điều hoà sinh trưởng và chế phẩm sinh học đến nay chưa có nghiên cứu, đánh giá cụ thể tác động đến môi trường, động vật, con người và chưa được quy định cụ thể trong Luật Trồng trọt. Do đó, chưa có cơ sở để quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện.	Đề nghị bổ sung quy định tại Luật hoặc Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Trồng trọt	
		các giống cây trồng khác (giống rau, giống cây dược liệu, giống cây cảnh, giống nấm ăn,...)	chưa có quy định cụ thể gây khó khăn cho công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện.	Đề nghị bổ sung quy định tại Luật hoặc Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Trồng trọt	